

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT**



NGUYỄN ĐỨC TÀI

**PHÁP LUẬT GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP
HỢP ĐỒNG THƯƠNG MẠI TẠI TÒA ÁN CẤP SƠ THẨM
TỪ THỰC TIỄN TỈNH BÌNH THUẬN**

**ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP THẠC SĨ
LUẬT KINH TẾ**

Bình Thuận - 2024

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT**



NGUYỄN ĐỨC TÀI

**PHÁP LUẬT GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP
HỢP ĐỒNG THƯƠNG MẠI TẠI TÒA ÁN CẤP SƠ THẨM
TỪ THỰC TIỄN TỈNH BÌNH THUẬN**

**CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ
MÃ SỐ: 8380107**

ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP THẠC SĨ

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:
TS. PHAN HOÀI NAM**

Bình Thuận - 2024

LỜI CAM ĐOAN

Tôi tên **NGUYỄN ĐỨC TÀI** MSSV: 2218380107012

Tôi xin cam đoan Đề án Thạc sĩ Luật kinh tế với đề tài “***Pháp luật giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại tại Tòa án cấp sơ thẩm từ thực tiễn tỉnh Bình Thuận***” là công trình nghiên cứu do chính tôi thực hiện dưới sự hướng dẫn khoa học của **TS. Phan Hoài Nam**. Các thông tin, ví dụ và trích dẫn trong đề án đảm bảo tính chính xác, tin cậy và trung thực. Các kết quả nêu trong Đề án chưa được công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

Nếu sai sót tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm theo quy định của nhà trường và pháp luật.

Bình Thuận, ngày 22 tháng 6 năm 2024

Tác giả

Nguyễn Đức Tài

LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thành Đề án Thạc sỹ Luật kinh tế này, trước hết em xin gửi lời cảm ơn chân thành đến quý thầy cô giáo trong khoa Luật kinh tế và Phòng Quản lý sau Đại học trường Đại học Phan Thiết. Đặc biệt, em xin gửi lời cảm ơn sâu sắc nhất đến thầy **TS. Phan Hoài Nam** đã tận tình hướng dẫn, nhận xét và góp ý giúp em hoàn thành Đề án Thạc sỹ Luật kinh tế này.

Tiếp theo, em xin gửi lời cảm ơn đến Ban lãnh đạo, các vị Thẩm phán, Thư ký của Toà án nhân dân 2 cấp tỉnh Bình Thuận đã tạo điều kiện thuận lợi cho em được tìm hiểu thực tế và hoàn thành đề án.

Vì kiến thức có hạn nên trong quá trình hoàn thiện Đề án Thạc sỹ Luật kinh tế em không tránh khỏi những sai sót, kính mong nhận được sự góp ý quý giá từ quý thầy cô.

Em xin chân thành cảm ơn!

Bình Thuận, ngày 22 tháng 6 năm 2024

Tác giả

Nguyễn Đức Tài

Bình Thuận, ngày 22 tháng 06 năm 2024

NHẬN XÉT CỦA NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC

1. Họ và tên học viên: **NGUYỄN ĐỨC TÀI** MSHV: **2218380107012**
2. Chuyên ngành: **Luật kinh tế** Lớp: **MEL1**
3. Tên đề tài nghiên cứu: ***“Pháp luật giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại tại Tòa án cấp sơ thẩm từ thực tiễn tỉnh Bình Thuận”***
4. Họ và tên người hướng dẫn khoa học: **TS. Phan Hoài Nam**
5. Nhận xét:
(Nội dung nhận xét, người hướng dẫn cần tập trung vào các yêu cầu về: Kết cấu đề án tốt nghiệp (luận văn), phương pháp nghiên cứu, những nội dung (đóng góp) của đề tài nghiên cứu, thái độ làm việc của học viên, ...)
 - ***Đề án đáp ứng yêu cầu về kết cấu do Nhà trường quy định.***
 - ***Đề án sử dụng các phương pháp nghiên cứu truyền thống trong nghiên cứu khoa học pháp lý.***
 - ***Nội dung Đề án đáp ứng yêu cầu của Nhà trường.***
 - ***Học viên có thái độ nghiêm túc và cầu thị trong quá trình thực hiện đề án.***

Người hướng dẫn khoa học
(ký và ghi họ tên)

TS. Phan Hoài Nam

TÓM TẮT ĐỀ ÁN

Sự phát triển mạnh mẽ và nhanh chóng của nền kinh tế trong nước cùng sự hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam đặt ra nhiều yêu cầu mới đối với công tác quản lý trật tự kinh tế bằng hệ thống pháp luật thương mại hiện hành, nhất là những yêu cầu bức thiết trong việc nâng cao hiệu quả giải quyết các tranh chấp hợp đồng thương mại. Kết quả nghiên cứu cho thấy tranh chấp hợp đồng thương mại ở Việt Nam nói chung và Bình Thuận nói riêng ngày càng phức tạp do sự phát triển của quan hệ kinh tế và sự cạnh tranh của các chủ thể kinh doanh thương mại. Trong số các phương pháp giải quyết tranh chấp theo quy định của pháp luật hiện hành, phương pháp giải quyết tranh chấp bằng Tòa án thường được lựa chọn vì hiệu quả và khả năng cưỡng chế thi hành. Tại Bình Thuận, việc giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại tại Tòa án đã tạo lập môi trường kinh doanh an toàn, minh bạch và hấp dẫn nhà đầu tư. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều hạn chế và bất cập trong việc áp dụng pháp luật từ thực tiễn giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại tại Tòa án cấp sơ thẩm tỉnh Bình Thuận. Kết luận từ nghiên cứu cho thấy cần tiếp tục hoàn thiện pháp luật để nâng cao hiệu quả giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại. Theo đó, cần tập trung cải thiện, nâng cao hiệu quả việc thực hiện quy trình xét xử vụ án tại Tòa, tăng cường xây dựng, đào tạo đội ngũ cán bộ làm công tác xét xử, cũng như nâng cao nhận thức pháp luật cho các chủ thể kinh doanh. Những giải pháp này sẽ góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật, tăng cường sự ổn định và minh bạch của thị trường, đóng góp vào phát triển kinh tế - xã hội của Bình Thuận và cả nước.

Từ khóa: hợp đồng; tranh chấp; Tòa án sơ thẩm.

MỤC LỤC

MỤC LỤC	7
PHẦN I: MỞ ĐẦU	9
1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài	9
2. Tình hình nghiên cứu có liên quan	11
3. Mục đích của đề tài	13
4. Câu hỏi nghiên cứu	13
5. Đối tượng nghiên cứu	13
6. Phạm vi nghiên cứu	14
7. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu	14
8. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề án	15
9. Kết cấu của đề án	15
PHẦN II: NỘI DUNG	17
CHƯƠNG 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG THƯƠNG MẠI TẠI TOÀ ÁN CẤP SƠ THẨM	17
1.1. Khái niệm, đặc điểm của hợp đồng thương mại và tranh chấp hợp đồng thương mại	17
1.2. Phương thức giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại	23
1.3. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại tại Tòa án cấp sơ thẩm	29
KẾT LUẬN CHƯƠNG 1	39
CHƯƠNG 2: THỰC TIỄN ÁP DỤNG PHÁP LUẬT TRONG GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG THƯƠNG MẠI TẠI TOÀ ÁN CẤP SƠ THẨM Ở TỈNH BÌNH THUẬN	40
2.1. Về kết quả quyết tranh chấp hợp đồng thương mại của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận thông qua thực tiễn hoạt động xét xử sơ thẩm	40
2.2. Những bất cập, khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại tại Tòa án cấp sơ thẩm tỉnh Bình Thuận	42
2.3. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế	51
KẾT LUẬN CHƯƠNG 2	55
CHƯƠNG 3: QUAN ĐIỂM VỀ HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG THƯƠNG MẠI TẠI TOÀ ÁN	56
3.1. Quan điểm về hoàn thiện pháp luật giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại tại Tòa án	56
3.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại tại Tòa án cấp sơ thẩm	61
KẾT LUẬN CHƯƠNG 3	72
PHẦN III: KẾT LUẬN	73
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	75

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

TT	TỪ VIẾT TẮT	TỪ ĐƯỢC VIẾT TẮT
1	BLDS	Bộ luật Dân sự năm 2015
2	BLTTDS	Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015
3	BPKCTT	Biện pháp khẩn cấp tạm thời
4	LTM	Luật thương mại 2005
5	LDN	Luật doanh nghiệp 2020
6	TAND	Toà án nhân dân
7	UBTVQH	Ủy ban Thường vụ Quốc hội

PHẦN I: MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài

Sau hơn 35 năm thực hiện công cuộc đổi mới, Việt Nam đã thoát ra khỏi tình trạng kém phát triển, trở thành nước đang phát triển có thu nhập trung bình với một nền kinh tế thị trường năng động, hội nhập mạnh mẽ, kinh tế tăng trưởng khá cao, liên tục và bao trùm, bảo đảm mọi người dân được hưởng lợi từ quá trình phát triển. Trong nền kinh tế thị trường hiện nay ở nước ta có sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế thuộc nhiều hình thức sở hữu khác nhau, do đó các quan hệ kinh doanh, thương mại cũng ngày càng trở nên đa dạng và phức tạp. Mục đích tìm kiếm lợi nhuận không chỉ đơn thuần là động lực trực tiếp thúc đẩy quá trình mở rộng các hoạt động hợp tác, giao thương kinh tế mà còn là nền tảng của sự tồn tại, đổi mới và phát triển của các chủ thể trong kinh doanh thương mại. Trong từng hoạt động này, các bên đều hướng tới việc hưởng quyền và thực hiện đúng nghĩa vụ đã cam kết trong hợp đồng. Tuy nhiên, không phải lúc nào các bên cũng nghiêm chỉnh tuân thủ đầy đủ các nghĩa vụ của mình. Đây là lý do tất yếu làm phát sinh tranh chấp trong kinh doanh, thương mại. Tranh chấp thương mại với hình thức cụ thể là tranh chấp hợp đồng thương mại là những mâu thuẫn, bất đồng, xung đột về quyền và nghĩa vụ giữa các bên trong quá trình thực hiện các hoạt động kinh doanh, thương mại đã được các chủ thể giao kết thông qua hợp đồng.

Cùng với sự phát triển của các quan hệ kinh tế và dưới sự tác động của quy luật cạnh tranh, tranh chấp hợp đồng thương mại cũng trở nên phong phú hơn về chủng loại, gay gắt, phức tạp hơn về tính chất, quy mô. Vì vậy việc lựa chọn phương thức giải quyết tranh chấp nào cho phù hợp, có hiệu quả để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên tranh chấp là rất cần thiết. Tùy thuộc vào trình độ phát triển của các quan hệ kinh tế - xã hội và cũng xuất phát từ ảnh hưởng của những đặc điểm về phong tục, tập quán nên cơ chế giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại được pháp luật của mỗi quốc gia quy định không giống nhau. Theo Luật Thương mại Việt

Nam thì giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại có thể bằng 04 phương thức cơ bản gồm: Thương lượng, Hòa giải, Trọng tài và Tòa án.

Thực tế ở Việt Nam, để giải quyết các tranh chấp Hợp đồng thương mại thì các chủ thể thường có tâm lý lựa chọn phương thức giải quyết bằng Tòa án nhằm đảm bảo hiệu quả trong việc giải quyết tranh chấp, cũng như bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể. Điều này cũng lý giải được rằng Tòa án mà cụ thể là các phán quyết của Tòa là công cụ bảo đảm cho các bên thực hiện nghĩa vụ của mình thông qua biện pháp cưỡng chế thi hành.

Tại tỉnh Bình Thuận, hiệu quả của việc giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại tại Tòa án cũng mang ý nghĩa quan trọng, không chỉ đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể kinh doanh thương mại mà có ý nghĩa đối với sự phát triển kinh tế của tỉnh. Nếu giải quyết tranh chấp có hiệu quả thì góp phần không nhỏ trong tạo lập môi trường kinh doanh an toàn, lành mạnh, minh bạch và có sức hấp dẫn nhà đầu tư.

Trước đây, việc áp dụng pháp luật trải qua nhiều thay đổi cùng với sự hoàn thiện của các văn bản quy phạm pháp luật, bên cạnh những ưu điểm, thuận lợi thì vẫn tồn tại những hạn chế, bất cập. Thực tiễn áp dụng pháp luật để giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại ở Tòa án nước ta nói chung và Tòa án trên địa bàn tỉnh Bình Thuận nói riêng cũng còn một số vướng mắc cần phải nghiên cứu để tiếp tục hoàn thiện. Bên cạnh đó, Luật Thương mại quy định từ năm 2005 đến nay là đã gần hai mươi năm (2024), nhưng vẫn chưa được sửa đổi, bổ sung hay quy định mới, trong khi các quan hệ về kinh doanh thương mại, cũng như tranh chấp hợp đồng trong kinh doanh thương mại luôn phát triển và thay đổi hàng ngày.

Chính vì lẽ đó, trong bối cảnh những tranh chấp hợp đồng thương mại trong cả nước cũng như thực tiễn tại Bình Thuận dự báo sẽ ngày càng trở nên đa dạng và phức tạp, việc nghiên cứu vấn đề pháp luật và thực trạng giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại tại Tòa án sẽ có ý nghĩa lớn về mặt lý luận và thực tiễn.

Từ những phân tích trên, tôi đã lựa chọn đề tài: “Pháp luật giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại tại Tòa án cấp sơ thẩm từ thực tiễn tỉnh Bình Thuận” để

làm đề tài đề án Thạc sĩ chuyên ngành Luật kinh tế dưới sự hướng dẫn của TS. Phan Hoài Nam, Phó trưởng khoa Luật Quốc tế, Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh.

2. Tình hình nghiên cứu có liên quan

Tranh chấp hợp đồng thương mại là một đề tài được nhiều nhà khoa học lựa chọn và nghiên cứu ở nhiều góc độ khác nhau. Các công trình nghiên cứu đó đã góp phần tạo nên một cơ sở lý luận nhằm giúp pháp luật của nước ta ngày càng hoàn thiện hơn. Mặt khác, mỗi nhà nghiên cứu gần như nghiên cứu theo một lĩnh vực riêng của giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại; cụ thể như:

Thứ nhất, nhóm các công trình nghiên cứu, tài liệu tham khảo đã phân tích, làm rõ về một số vấn đề lý luận chung và quy định của pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại:

- Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình Luật Thương mại*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội, 2019.

- Trường Đại học Luật Tp Hồ Chí Minh, 2016, *“Bình luận những điểm mới trong Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015”*, Tp Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Hồng Đức

- Hội Luật gia Việt Nam.

- Phan Hoài Nam, 2019, *Giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại tại Tòa án - Thẩm quyền và pháp luật áp dụng*, Tp. Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia.

- PGS.TS Nguyễn Như Phát, TS Lê Thị Thu Thủy, *“Một số lý luận và thực tiễn về pháp luật hợp đồng ở Việt Nam hiện nay”*.

Thứ hai, nhóm các công trình nghiên cứu đã phân tích, làm rõ về phương thức giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại:

- Luận văn thạc sĩ “Giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại bằng trọng tài thương mại -Thực tiễn tại Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC)”, Phạm Thị Thu Trang.

- Luận văn thạc sĩ “Pháp luật về hợp đồng thương mại và giải quyết tranh chấp bằng phương thức ngoài Tòa án tại Việt Nam - Thực tiễn thi hành tại TP. Hà Nội”, Trần Thị Thu Trang.

- Luận văn thạc sĩ “Pháp luật về hòa giải trong giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại theo luật hòa giải, đối thoại tại tòa án”, Trần Tuyết Trinh.

- Luận án tiến sĩ “Giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại có yếu tố nước ngoài tại Tòa án Việt Nam”, Phan Hoài Nam.

Thứ ba, nhóm các công trình nghiên cứu, bài viết, bài báo đã phân tích, làm rõ về định hướng, giải pháp hoàn thiện các quy định pháp luật về giải quyết tranh chấp tại Tòa án:

- Trương Hòa Bình, “Tiếp tục hoàn thiện mô hình tổ chức và hoạt động của TAND, tương xứng với chức năng, nhiệm vụ “Tòa án là cơ quan xét xử của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền tư pháp”, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 7/2014.

- Nguyễn Duy Phương, “Hoàn thiện quy định về thẩm quyền giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại của tòa án”, Nghiên cứu lập pháp số 1/2015 tr 31-34.

Và rất nhiều đề tài của các nhà khoa học đã nghiên cứu về giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại nói chung và tranh chấp trong lĩnh vực tín dụng, mua bán hàng hóa, cho thuê tài sản... nói riêng. Đồng thời, các đề tài nghiên cứu hầu hết đều nghiên cứu những vấn đề chung về lĩnh vực tranh chấp kinh doanh thương mại, tập trung trên phương diện lý luận theo hướng nghiên cứu, chưa đề cập, phân tích chuyên sâu vấn đề thực tiễn công tác giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại. Ngoài ra, việc nghiên cứu về giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại bằng con đường Tòa án vẫn chưa thật phổ biến, bao quát, nhất là trên hướng ứng dụng; trong khi đề tài này vẫn luôn là vấn đề hết sức thời sự, bởi lẽ những vấn đề mâu thuẫn, tranh chấp trong kinh doanh thương mại trong thực tiễn hiện nay đã, đang và sẽ luôn phát sinh đa dạng, phức tạp.

Trên cơ sở tham khảo những kết quả nghiên cứu nêu trên, đề án đã nghiên cứu phát triển ở mức độ sâu sắc và toàn diện hơn những vấn đề lý luận và quy định của pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại, cũng như thực tiễn áp dụng quy định pháp luật trong giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại của Tòa án nhân dân cấp sơ thẩm tỉnh Bình Thuận. Cùng với tình hình thực tiễn và các hiệu biết trong

quá trình học tập để đưa ra giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại tại Tòa án cấp sơ thẩm.

3. Mục đích của đề tài

Thông qua nghiên cứu đề tài “Pháp luật giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại tại Tòa án cấp sơ thẩm từ thực tiễn tỉnh Bình Thuận” để làm sáng tỏ một số vấn đề lý luận pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại; đánh giá thực trạng pháp luật và thực tiễn xét xử của Tòa án cấp sơ thẩm tại Bình Thuận; từ đó đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật, cũng như nâng cao hơn nữa hiệu quả áp dụng pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại tại Tòa án ở Bình Thuận.

4. Câu hỏi nghiên cứu

Đề án xác định hướng tới trả lời các câu hỏi nghiên cứu sau đây:

- Những vấn đề lý luận về hợp đồng thương mại và tranh chấp hợp đồng thương mại hiện nay như thế nào, trọng tâm là khái niệm, đặc điểm, vai trò, các yếu tố làm phát sinh giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại?
- Thực trạng pháp luật về các phương thức giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại ở Việt Nam hiện nay như thế nào?
- Thực tiễn áp dụng pháp luật về thẩm quyền, thời hiệu, trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại tại tòa án cấp sơ thẩm trên địa bàn tỉnh Bình Thuận? Những kết quả đạt được, những bất cập, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân trong việc giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại?
- Phương hướng hoàn thiện pháp luật về pháp luật giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại?
- Những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại tại Tòa án?

5. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là những quy phạm pháp luật về hợp đồng thương mại, giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại và một số bản án điển hình của Tòa án cấp sơ thẩm tại Bình Thuận về tranh chấp hợp đồng thương mại. Đồng

thời, mở rộng nghiên cứu các quan điểm, luận điểm của các học giả có công trình nghiên cứu liên quan giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại bằng phương thức Tòa án.

6. Phạm vi nghiên cứu

Tranh chấp hợp đồng thương mại và việc giải quyết tranh chấp này là vấn đề rất rộng lớn, có thể nhìn nhận đánh giá ở nhiều góc độ khác nhau. Trong phạm vi nghiên cứu của đề án, tôi định hướng thông qua nghiên cứu từ góc độ lý luận pháp lý chung để liên hệ vào thực tiễn của pháp luật chuyên ngành hiện hành.

- Phạm vi không gian: các vụ việc tranh chấp hợp đồng thương mại được xét xử sơ thẩm bởi các Tòa án nhân dân hai cấp trong phạm vi toàn tỉnh Bình Thuận.

- Phạm vi thời gian: từ năm 2020 đến nay.

Từ đó đưa ra giải pháp để hoàn thiện pháp luật có liên quan, đồng thời gợi mở những vấn đề để nâng cao hiệu quả giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại tại Tòa án.

7. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

*** Cơ sở lý luận**

Đề tài nghiên cứu dựa trên cơ sở phương pháp lý luận duy vật biện chứng, duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mac - Lênin; quan điểm của Đảng và nhà nước trong xây dựng Nhà nước pháp quyền Xã hội chủ nghĩa và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

*** Phương pháp nghiên cứu**

Trong phạm vi nghiên cứu nêu trên, đề án sẽ sử dụng một số phương pháp nghiên cứu cụ thể là:

- Phương pháp tổng hợp và hệ thống hóa được sử dụng trong chương 1 và 2: nghiên cứu, khai thác tài liệu sẵn có như Bộ luật Dân sự năm 2015, Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Luật thương mại 2005, Luật doanh nghiệp 2020 (sửa đổi, bổ sung năm 2022) và các văn bản pháp luật khác có liên quan đến nội dung cần nghiên cứu.

- Phương pháp phân tích, tổng hợp được sử dụng trong chương 1 và 2: Nhằm làm sáng tỏ cơ sở lý luận về tranh chấp hợp đồng thương mại và việc giải quyết vụ án tranh chấp hợp đồng thương mại tại Tòa án.

- Phương pháp thu thập, bình luận được sử dụng trong chương 1 và 2: Thông qua một số bản án trên thực tế tại các Tòa án nhân dân cấp sơ thẩm trên địa bàn tỉnh Bình Thuận để phân tích, bình luận... nhằm đánh giá việc thực hiện pháp luật trong thực tế.

- Phương pháp phân tích đánh giá được sử dụng trong chương 1 và 2: Nhằm đưa ra những vướng mắc chưa rõ ràng mà pháp luật hiện hành không thể hiện được nhằm có cơ sở đề xuất hoàn thiện pháp luật.

- Phương pháp chuyên gia được sử dụng trong chương 3: Thông qua việc phỏng vấn, gửi phiếu thu thập xã hội học đối với các cán bộ chuyên môn của Tòa án, giảng viên các trường Đại học và chủ các doanh nghiệp để thu thập thông tin có liên quan, từ đó hoàn thiện các giải pháp, đề xuất, kiến nghị của Đề án.

8. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề án

Việc nghiên cứu, phân tích, tìm hiểu rõ về lý thuyết và dẫn chứng bằng thực tiễn giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại tại Tòa án sẽ giúp chúng ta có cái nhìn sâu sắc hơn về phương thức giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại này, từ đó đề xuất các giải pháp để hoàn thiện pháp luật, nâng cao chất lượng công tác giải quyết tranh chấp tại Tòa án. Mặt khác, khi nghiên cứu về giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại tại Tòa án giúp các chủ thể kinh tế hiểu rõ, tiếp cận sâu rộng hơn về kiến thức pháp luật lẫn thực tiễn giải quyết, làm nền tảng cho việc lựa chọn đúng phương thức giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại nếu phát sinh trong thực tiễn kinh doanh thương mại.

9. Kết cấu của đề án

Đề án gồm 3 phần: Phần Mở đầu; Phần Nội dung; Phần Kết luận và kiến nghị. Trong đó, Phần Nội dung gồm ba chương:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận về giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại tại toà án cấp sơ thẩm.

Chương 2: Thực tiễn áp dụng pháp luật trong giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại tại Tòa án cấp sơ thẩm ở tỉnh Bình Thuận.

Chương 3: Quan điểm về hoàn thiện pháp luật và giải pháp nâng cao hiệu quả giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại tại Tòa án.

PHẦN II: NỘI DUNG

CHƯƠNG 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG THƯƠNG MẠI TẠI TOÀ ÁN CẤP SƠ THẨM

1.1. Khái niệm, đặc điểm của hợp đồng thương mại và tranh chấp hợp đồng thương mại

1.1.1. Khái niệm, đặc điểm của hợp đồng thương mại

1.1.1.1. Khái niệm

Hợp đồng là một thỏa thuận dân sự, trong đó các bên tự nguyện trao đổi ý chí nhằm đạt được sự thỏa thuận về việc xác lập, thay đổi hoặc chấm dứt các quyền và nghĩa vụ dân sự⁽¹⁾. Theo Điều 385 của Bộ Luật Dân sự năm 2015, “Hợp đồng là sự thỏa thuận giữa các bên về việc xác lập, thay đổi hoặc chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự”⁽²⁾. Điểm đáng chú ý là Bộ Luật Dân sự hiện hành đã sử dụng thuật ngữ “hợp đồng” thay vì “hợp đồng dân sự” như trong Bộ Luật Dân sự năm 2005.

Hợp đồng thương mại là một dạng cụ thể của hợp đồng dân sự⁽³⁾. Do đó, các hợp đồng thương mại đều có tính chất dân sự, được thiết lập trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng và thỏa thuận của các bên; hướng tới lợi ích của từng bên và lợi ích chung trong quá trình tham gia giao kết hợp đồng. Các hợp đồng này bao gồm các vấn đề cơ bản như: điều kiện giao kết hợp đồng, nguyên tắc và biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng, hợp đồng vô hiệu và xử lý hợp đồng vô hiệu... Tuy nhiên, do đặc điểm và yêu cầu của hoạt động thương mại, hợp đồng thương mại có các yếu tố như: chủ thể, hình thức, quyền và nghĩa vụ của các bên, cũng như các biện pháp giải quyết tranh chấp hợp đồng...

Khoa học pháp lý và pháp luật thực tế tại Việt Nam sử dụng nhiều thuật ngữ

⁽¹⁾ Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình Luật Thương mại*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội, 2019, trang 11.

⁽²⁾ Bộ luật Dân sự năm 2015.

⁽³⁾ Bộ Tư pháp, *Từ điển Luật học*, NXB Từ điển Bách Khoa và NXB Tư pháp, trang 221.

pháp lý để chỉ đến các loại hợp đồng trong lĩnh vực kinh doanh như: hợp đồng kinh doanh, hợp đồng trong hoạt động kinh doanh, hợp đồng kinh tế, hợp đồng thương mại... Hiện tại, Luật thương mại năm 2005 không có định nghĩa cho thuật ngữ “hợp đồng thương mại”, tuy nhiên, nó có thể được hiểu là một hình thức pháp lý của các hoạt động thương mại, là sự thỏa thuận giữa hai hoặc nhiều bên (ít nhất một trong số các bên phải là thương nhân hoặc các đối tượng có tư cách thương nhân) nhằm xác lập, thay đổi, chấm dứt các quyền và nghĩa vụ của các bên trong việc thực hiện các hoạt động thương mại⁽⁴⁾.

Các hoạt động thương mại được xác định theo Luật thương mại năm 2005, cụ thể tại Điều 1, bao gồm: hoạt động thương mại thực hiện trên lãnh thổ của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; hoạt động thương mại thực hiện ngoài lãnh thổ Việt Nam trong trường hợp các bên thỏa thuận áp dụng Luật thương mại hoặc Luật của các quốc gia khác mà Việt Nam là thành viên; hoạt động không nhằm mục đích lợi nhuận của một bên trong giao dịch với thương nhân thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam trong trường hợp bên thực hiện hoạt động không nhằm mục đích lợi nhuận đó áp dụng luật thương mại⁽⁵⁾.

1.1.1.2. Đặc điểm của hợp đồng thương mại

Về chủ thể, hợp đồng thương mại thường được thiết lập giữa các chủ thể là thương nhân. Theo Khoản 1 Điều 6 của Luật Thương mại năm 2005, “thương nhân là tổ chức kinh tế được thành lập hợp pháp hoặc cá nhân hoạt động thương mại một cách độc lập, thường xuyên và có đăng ký kinh doanh”. Trong các hợp đồng thương mại, có những trường hợp yêu cầu các bên đều là thương nhân như hợp đồng đại diện thương mại, hợp đồng đại lý thương mại... Cũng có những hợp đồng chỉ yêu cầu ít nhất một bên là thương nhân như hợp đồng ủy thác mua bán hàng hóa, hợp đồng dịch vụ bán đấu giá hàng hóa, hợp đồng môi giới thương mại... Ngoài ra, các tổ chức, cá nhân không phải là thương nhân cũng có thể trở thành chủ thể của hợp đồng thương mại khi có hoạt động liên quan đến thương mại.

⁽⁴⁾ Trường Đại học Luật TP.Hồ Chí Minh, “*Bình luận những điểm mới trong Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015*”, Nhà xuất bản Hồng Đức, Tp Hồ Chí Minh, 2016, trang 26.

⁽⁵⁾ Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình Luật Thương mại*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội, 2019, tr 26.

Về hình thức, hợp đồng thương mại được thiết lập theo cách mà hai bên thỏa thuận, có thể được thể hiện bằng lời nói, bằng văn bản hoặc bằng hành vi cụ thể của các bên giao kết. Trong một số trường hợp, hợp đồng phải được thiết lập bằng văn bản như hợp đồng đại lý thương mại, hợp đồng ủy thác mua bán hàng hóa, hợp đồng dịch vụ khuyến mại, quảng cáo, hội chợ, triển lãm thương mại... Điều 24 của Luật Thương mại năm 2005 quy định: “Hợp đồng mua bán hàng hóa có thể được thể hiện bằng lời nói, bằng văn bản hoặc xác lập bằng hành vi cụ thể. Đối với các loại hợp đồng mua bán hàng hóa mà pháp luật quy định phải được lập thành văn bản thì phải tuân thủ các quy định đó”⁽⁶⁾. Luật Thương mại năm 2005 cũng cho phép thay thế hình thức văn bản bằng các hình thức khác có giá trị pháp lý tương đương như điện báo, telex, fax, thông điệp dữ liệu điện tử và các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

Về đối tượng của hợp đồng thương mại là hàng hóa. Hàng hóa được hiểu là các sản phẩm lao động của con người, được tạo ra nhằm mục đích thỏa mãn nhu cầu của con người⁽⁷⁾. Theo Điều 3 Khoản 2 của Luật Thương mại năm 2005 quy định: “Hàng hóa bao gồm: Tất cả các loại động sản, kể cả động sản hình thành trong tương lai; Những vật gắn liền với đất đai”. Hàng hóa có thể được chia thành nhiều loại như bất động sản, động sản, tài sản hữu hình, tài sản vô hình, các quyền về tài sản... Trong hợp đồng mua bán hàng hóa, các bên cần xem xét rõ ràng về loại hàng hóa mình định mua hoặc bán, bao gồm việc có thuộc danh mục hàng cấm kinh doanh, hạn chế kinh doanh hoặc hàng kinh doanh có điều kiện không.

Về mục đích, hợp đồng thương mại hướng tới mục đích tìm kiếm lợi nhuận. Bắt nguồn từ mục đích của hoạt động thương mại là để sinh lời, khi các thương nhân tham gia ký kết một hợp đồng thương mại, họ đều nhằm mục đích tối đa hóa lợi nhuận⁽⁸⁾. Theo Khoản 3 Điều 1 của Luật Thương mại năm 2005, đối với các hợp đồng giữa thương nhân với chủ thể không phải là thương nhân và không nhằm mục đích sinh lời, việc áp dụng Luật Thương mại để điều chỉnh quan hệ hợp đồng này hay

⁽⁶⁾ Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình Luật Thương mại*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội, 2019, tr 27.

⁽⁷⁾ Bộ Tư pháp, *Từ điển Luật học*, NXB Từ điển Bách Khoa và NXB Tư pháp, trang 526.

⁽⁸⁾ Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình Luật Thương mại*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội, 2019, tr 41.

không là do bên không có mục đích lợi nhuận quyết định.

Về **nội dung**, hợp đồng thương mại thể hiện quyền và nghĩa vụ của các bên trong quan hệ hợp đồng dựa trên các điều khoản mà các bên thỏa thuận. Việc thỏa thuận nội dung càng chi tiết thì việc thực hiện hợp đồng càng dễ dàng, giúp phòng ngừa những tranh chấp có thể xảy ra. Luật Thương mại năm 2005 không bắt buộc các bên phải thỏa thuận các nội dung cụ thể nhất định, nhưng có những điều khoản quan trọng cần chú ý như: đối tượng, chất lượng, giá cả, phương thức thanh toán, thời hạn và địa điểm giao nhận hàng.

1.1.2. Khái niệm, đặc điểm và các dạng tranh chấp hợp đồng thương mại

1.1.2.1. Khái niệm

Hiện nay, tại Việt Nam, với sự phát triển và tích cực tham gia vào nền kinh tế thế giới, khái niệm về tranh chấp hợp đồng thương mại đang ngày càng trở nên phổ biến và rộng rãi. Theo từ điển Tiếng Việt, thuật ngữ “tranh chấp” được hiểu là sự bất đồng, mâu thuẫn về quyền và nghĩa vụ phát sinh giữa các bên có liên quan⁽⁹⁾.

Luật Thương mại năm 2005, Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Luật Trọng tài thương mại năm 2010 không có định nghĩa rõ ràng về khái niệm “tranh chấp hợp đồng thương mại”. Trong Luật Thương mại năm 2005 chỉ đưa ra định nghĩa về hoạt động thương mại là “những hoạt động nhằm mục đích sinh lợi, bao gồm mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ, đầu tư, xúc tiến thương mại và các hoạt động khác nhằm mục đích sinh lợi”. Tại Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, cũng chỉ quy định về các trường hợp tranh chấp về kinh tế, thương mại, trong đó có tranh chấp hợp đồng thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án mà không có đưa ra khái niệm cụ thể.

Mặc dù có nhiều quan niệm khác nhau về tranh chấp trong hợp đồng thương mại, nhưng có thể hiểu một cách chung và khái quát nhất rằng: Tranh chấp hợp đồng thương mại là những bất đồng, mâu thuẫn, xung đột về quyền và nghĩa vụ giữa các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng thương mại giữa các cá nhân, tổ chức có đăng

⁽⁹⁾ Viện ngôn ngữ, *Từ điển Tiếng Việt*, Nhà xuất bản Từ điển Bách Khoa, Hà Nội, 2020, tr 338.

ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích sinh lợi⁽¹⁰⁾.

1.1.2.2. Đặc điểm pháp lý của tranh chấp hợp đồng thương mại

Thứ nhất, tranh chấp hợp đồng thương mại phát sinh khi các bên không đồng ý với cách giải quyết mà không có lợi cho cả hai bên, dẫn đến thiệt hại vật chất.

Thứ hai, mâu thuẫn, bất đồng giữa các bên trong quan hệ thương mại là điều kiện tiên quyết và đủ để tranh chấp nảy sinh. Doanh nghiệp trong hoạt động thương mại xây dựng một mạng lưới các hành vi kinh doanh, với mục đích hướng đến lợi nhuận. Mặc dù hợp tác, nhưng các bên vẫn cạnh tranh để đạt được lợi ích tối đa cho mình.

Thứ ba, chủ thể chính của tranh chấp hợp đồng thương mại là thương nhân. Một tranh chấp được coi là tranh chấp thương mại khi ít nhất một bên là thương nhân. Ngoài ra, các cá nhân tham gia hoạt động thương mại độc lập, thường xuyên không có đăng ký kinh doanh (không phải là thương nhân theo Luật thương mại) cũng có thể là chủ thể của tranh chấp kinh tế, thương mại. Tuy nhiên, cũng có những trường hợp, các tổ chức và cá nhân khác cũng có thể là chủ thể của tranh chấp kinh tế, thương mại, chẳng hạn như tranh chấp giữa các công ty với các thành viên, tranh chấp liên quan đến thành lập, hoạt động, hợp nhất, giải thể, chia tách công ty, và các tranh chấp khác về kinh tế, thương mại.

Thứ tư, tranh chấp thương mại có tính chất đa dạng và phức tạp, từ đó có thể dẫn đến các tranh chấp khác. Điều này phản ánh tính phức tạp và đa dạng của các quan hệ kinh tế giữa các chủ thể có các lợi ích khác nhau trong nền kinh tế thị trường.

1.1.2.3. Phân loại

Theo Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, các tranh chấp thương mại được chia ra làm 05 loại. Đó là: (i) Tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận; (ii) Tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ giữa cá nhân, tổ chức với nhau và đều có mục đích lợi nhuận; (iii) Tranh chấp giữa người

⁽¹⁰⁾ Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình Luật Thương mại*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội, 2019, tr 44.

chưa phải là thành viên công ty nhưng có giao dịch về chuyển nhượng phần vốn góp với công ty, thành viên công ty; (iv) Tranh chấp giữa công ty với các thành viên của công ty; tranh chấp giữa công ty với người quản lý trong công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc thành viên Hội đồng quản trị, giám đốc, tổng giám đốc trong công ty cổ phần, giữa các thành viên của công ty với nhau liên quan đến việc thành lập, hoạt động, giải thể, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, bàn giao tài sản của công ty, chuyển đổi hình thức tổ chức của công ty; (v) Các tranh chấp khác về kinh doanh, thương mại, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, tổ chức khác theo quy định của pháp luật.

Bên cạnh đó, căn cứ vào các lĩnh vực trong hoạt động kinh doanh, thương mại, các tranh chấp hợp đồng thương mại có thể được chia thành các nhóm như: Mua bán hàng hóa; cung ứng dịch vụ; phân phối; đại diện, đại lý; ký gửi; thuê, cho thuê, thuê mua; xây dựng; tư vấn, kỹ thuật; vận chuyển hàng hóa, hành khách bằng đường sắt, đường bộ, đường thủy nội địa; vận chuyển hàng hóa, hành khách bằng đường hàng không, đường biển; mua bán cổ phiếu, trái phiếu và giấy tờ có giá khác; đầu tư tài chính, ngân hàng; bảo hiểm; thăm dò, khai thác... Ngoài ra, căn cứ vào tính chất quốc tế (yếu tố nước ngoài), các tranh chấp hợp đồng thương mại còn có thể chia thành hai loại là: Tranh chấp hợp đồng thương mại có yếu tố nước ngoài và tranh chấp hợp đồng thương mại không có yếu tố nước ngoài. Mỗi loại tranh chấp có những đặc thù riêng, liên quan tới tư cách pháp lý các chủ thể, liên quan đến quyền và nghĩa vụ của họ khi ký kết hợp đồng cũng như khi thực hiện hợp đồng và liên quan đến quá trình giải quyết tranh chấp, nên nếu việc phân loại không rõ ràng thì khả năng nhận diện chính xác sẽ không được đảm bảo, dẫn đến hệ quả giải quyết tranh chấp không thỏa đáng.

Việc phân loại tranh chấp thương mại là cơ sở để đơn giản hóa và phân biệt những nhóm, những đối tượng có đặc điểm tương tự nhau. Từ đó, hỗ trợ hoạt động kinh doanh, bảo đảm môi trường pháp lý rõ ràng cho các chủ thể tham gia các quan hệ kinh tế, hỗ trợ công tác giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại bằng các biện pháp mang tính ôn hòa (hòa giải, thương lượng), hay các biện pháp có sự can thiệp

của Tòa án hoặc Trọng tài thương mại khi các chủ thể có yêu cầu.

1.2. Phương thức giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại

1.2.1. Phương thức giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại bằng thương lượng, hoà giải và trọng tài thương mại

1.2.1.1. Giải quyết tranh chấp bằng Thương lượng

Giải quyết tranh chấp bằng Thương lượng là hình thức giải quyết tranh chấp mà các bên cùng nhau bàn bạc và đi đến thỏa thuận, một cách thức giải quyết tranh chấp mà không cần đến sự tác động hay giúp đỡ của bên thứ ba⁽¹¹⁾. Nếu việc thương lượng thành công sẽ cho phép hai bên đạt đến một sự thỏa thuận. Thỏa thuận này được thừa nhận như một hợp đồng, sự thống nhất ý chí giữa các bên, là “luật” giữa các bên và các bên phải có nghĩa vụ thực hiện. Trong thực tiễn, hầu hết các trường hợp có tranh chấp phát sinh thì các bên thường tự nguyện và nhanh chóng liên hệ, gặp gỡ nhau để thương lượng, tìm cách tháo gỡ bất đồng, với mục đích chung là giữ mối quan hệ kinh doanh tốt đẹp và lâu giữa họ. Có thể coi đây là hình thức thương lượng để đạt được sự thỏa thuận chung về bất đồng phát sinh, vừa là một hình thức giải quyết tranh chấp. Luật Thương mại năm 2005 khuyến khích các bên giải quyết tranh chấp thông qua thương lượng giữa các bên sau đó mới sử dụng phương thức khác.

Thương lượng đã được xem là một phương thức giải quyết được ưa chuộng vì những ưu điểm như: Ít tốn kém về thời gian, về tiền bạc, ít căng thẳng về tâm lý vì không giải quyết công khai (như xét xử), ít gây hại đến quan hệ hợp tác vốn có của các bên, không gây tác động xấu trong kinh doanh, quan hệ hai bên vẫn cũng cố khi thương lượng thành công; Hình thức giải quyết đơn giản, gọn nhẹ, nhanh chóng và hiệu quả.

Bên cạnh những ưu thì thương lượng cũng có những hạn chế như: Hình thức thương lượng chỉ thích hợp đối với các bên thực sự có thiện chí muốn tìm giải pháp đối với tranh chấp. Bên muốn kéo dài thời gian thực hiện nghĩa vụ thì lợi dụng thương

⁽¹¹⁾ Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình Luật Thương mại*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội, 2019, tr 59.

lượng để kéo dài thời gian, hơn nữa thương lượng thường được giải quyết khép kín, không công khai có khi lại nảy sinh những tiêu cực, trái pháp luật và khi các bên đạt được kết quả thỏa thuận thành cũng không có cơ chế bắt buộc các bên thực hiện.

1.2.1.2. Phương thức giải quyết bằng Hòa giải.

Hòa giải thương mại là là phương thức giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại do các bên thỏa thuận và được hòa giải viên thương mại làm trung gian hòa giải hỗ trợ giải quyết tranh chấp⁽¹²⁾. Ngoài hai bên tranh chấp tham gia, trong hòa giải thương mại còn có bên thứ ba là hòa giải viên - là cầu nối, trung gian giúp các bên giải quyết những khúc mắc trong tranh chấp.

Một trong những ưu điểm nổi bật khi lựa chọn phương thức này là các bên sẽ không bị gò bó, tiết kiệm về thời gian chi phí bởi thủ tục hòa giải được tiến hành nhanh gọn và thời gian giải quyết tranh chấp bằng hoà giải chủ yếu phụ thuộc vào thoả thuận giữa các bên tranh chấp với hoà giải viên. Thời gian diễn ra hoà giải không quá lâu, thường là một ngày với mục tiêu hoàn tất việc giải quyết tranh chấp trong ngày đó. Cũng chính vì vậy, chi phí giải quyết hòa giải cũng thấp hơn so với những phương thức khác bởi chi phí để giải quyết hòa giải thông thường là mức chi phí cho từ một hoà giải viên làm việc trong một khoảng thời gian ngắn để thực hiện việc hoà giải. Ngoài ra, theo quy định của pháp luật về giải quyết tranh chấp theo phương thức hòa giải thương mại thì các thông tin liên quan đến vụ việc hòa giải phải được giữ bí mật, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận bằng văn bản hoặc pháp luật có quy định khác.

Bên cạnh những ưu điểm thì khi giải quyết bằng phương thức tranh chấp giải quyết bằng hòa giải thương mại còn có những điểm hạn chế. Một trong những điểm hạn chế nhất khi giải quyết tranh chấp bằng phương thức hòa giải thương mại là hoà giải viên không được đưa ra quyết định ràng buộc hay áp đặt các bên khi giải quyết tranh chấp. Do đó, hòa giải chỉ mang tính chất trung gian, hiện không có quy định nào bắt buộc về việc hòa giải nên trung tâm hòa giải thương mại không có quyền tài phán. Đây là nhược điểm lớn nhất khi lựa chọn phương thức giải quyết bằng hòa giải.

⁽¹²⁾ Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình Luật Thương mại*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội, 2019, tr 85.

1.2.1.3. Phương thức giải quyết bằng Trọng tài thương mại.

Trọng tài thương mại là phương thức giải quyết tranh chấp do các bên thỏa thuận và được tiến hành theo quy định của pháp luật về trọng tài thương mại⁽¹³⁾. Tại các Trung tâm trọng tài Việt Nam sẽ thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Một trong những ưu điểm khi giải quyết tranh chấp tại Trọng tài thương mại có ưu điểm hơn so với Tòa án đó là tính bảo mật thông tin. Thủ tục Tòa án công khai nên đôi khi sẽ bị ảnh hưởng đến uy tín của doanh nghiệp, đó là những điều doanh nghiệp không mong muốn. Doanh nghiệp luôn muốn giữ những bí mật thông tin như bí quyết công nghệ thông tin, bí quyết kinh doanh, quy trình sản xuất, các tài liệu quan trọng liên quan đến quá trình kinh doanh của công ty... Khi giải quyết theo phương thức Trọng tài, những tài liệu này sẽ được giữ bí mật.

Khi giải quyết bằng phương thức Trọng tài thương mại, do theo nguyên tắc các bên được tự thỏa thuận nên phương thức trọng tài rất phù hợp cho doanh nghiệp về thời gian, chi phí và sự thoải mái. Doanh nghiệp được thỏa thuận về thời gian, địa điểm, trọng tài viên phù hợp, ngôn ngữ, luật giải quyết tranh chấp... Không những vậy, khi giải quyết bằng phương thức Trọng tài thì có tính thi hành cao do quá trình giải quyết tranh chấp trọng tài có một cấp xét xử. Theo quy định tại khoản 5 Điều 4 Luật trọng tài thương mại 2010 có quy định: “Phán quyết trọng tài là chung thẩm”. Điều đó đồng nghĩa với việc Hội đồng trọng tài khi đưa ra phán quyết thì phán quyết đó có hiệu lực thi hành ngay, các bên không được quyền kháng cáo⁽¹⁴⁾.

Bên cạnh những ưu điểm thì khi chọn phương thức giải quyết bằng Trọng tài cũng có những hạn chế như chi phí Trọng tài thường cao hơn Tòa án, tính cưỡng chế thi hành của Trọng tài không cao bằng Tòa án. Do phán quyết trọng tài là chung thẩm, nên trong trường hợp Trọng tài đưa ra phán quyết không chính xác sẽ gây ra hậu quả không đáng có cho các bên. Các bên có thể đề nghị hủy phán quyết tại Tòa án nhưng sẽ dẫn đến việc mất thời gian, chi phí, công sức hơn.

⁽¹³⁾ Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình Luật Thương mại*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội, 2019, tr 91.

⁽¹⁴⁾ Trần Thị Thu Trang, *Pháp luật về hợp đồng thương mại và giải quyết tranh chấp bằng phương thức ngoài Tòa án tại Việt Nam - Thực tiễn thi hành tại TP. Hà Nội*, Hà Nội, 2019, tr 39.

1.2.2. Phương thức giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại bằng Tòa án

So với các phương thức giải quyết tranh chấp nêu trên, giải quyết tranh chấp bằng phương thức Tòa án được coi là có thủ tục chặt chẽ, mang tính quyền lực nhà nước, có giá trị thi hành cao. Phương thức giải quyết tại Tòa án là phương thức giải quyết tranh chấp tại cơ quan xét xử nhân danh quyền lực nhà nước, được thực hiện theo một trình tự, thủ tục nghiêm ngặt, chặt chẽ⁽¹⁵⁾. Khác với phương thức giải quyết Trọng tài, các bên sẽ không được lựa chọn ai sẽ là người giải quyết tranh chấp của mình. Đối với giải quyết bằng phương thức Tòa án, Tòa án sẽ hoàn toàn quyết định Hội đồng xét xử giải quyết tranh chấp.

Khi giải quyết theo phương thức này sẽ giải quyết thông qua hai cấp xét xử là Sơ thẩm và Phúc thẩm. Ví dụ: khi doanh nghiệp khởi kiện ra Tòa án nhân dân cấp huyện về việc giải quyết tranh chấp thì nếu như một trong hai bên không đồng ý với phán quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện thì có thể kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp tỉnh là cấp xét xử Phúc thẩm. Phán quyết của Tòa án phúc thẩm là phán quyết cuối cùng và có hiệu lực thi hành. Việc áp dụng hệ thống hai cấp xét xử tạo cơ hội để có thể sửa chữa những thiếu sót, sai lầm của các bản quyết định ở cấp sơ thẩm, tạo tâm lý yên tâm hơn cho các doanh nghiệp so với phương thức giải quyết bằng trọng tài (quyết định của trọng tài có giá trị chung thẩm và không thể thay đổi hay sửa chữa được).

Việc xét xử theo phương thức giải quyết bằng Tòa án có giá trị cưỡng chế thi hành án. Nếu các bên không chấp hành sẽ bị cưỡng chế bởi Cơ quan thi hành án. Do đó, khi giải quyết bằng phương thức này, các bên sẽ bắt buộc phải thực hiện theo phán quyết của Tòa án, quyền và nghĩa vụ của các bên được đảm bảo thực hiện. Ngoài ra, theo quy định tại Khoản 2 Điều 15 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 có quy định: “*Tòa án xét xử công khai. Trường hợp đặc biệt cần giữ bí mật nhà nước, giữ gìn thuần phong mỹ tục của dân tộc, bảo vệ người chưa thành niên hoặc giữ bí mật nghề nghiệp, bí mật kinh doanh, bí mật cá nhân, bí mật gia đình của đương sự theo yêu cầu chính*

⁽¹⁵⁾ Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình Luật Thương mại*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội, 2019, tr 101.

đáng của họ thì Tòa án có thể xét xử kín”. Do đó, việc xét xử công khai ở Tòa án sẽ có tính răn đe đối với những doanh nghiệp vi phạm pháp luật trong hoạt động liên quan đến tranh chấp nội bộ công ty. Các doanh nghiệp khác cũng có thể biết được và phòng tránh được phần nào rủi ro cho doanh nghiệp của mình. Đồng thời, cũng theo quy định vừa nêu, trường hợp theo yêu cầu chính đáng của các bên tranh chấp “*cần giữ bí mật nhà nước, giữ gìn thuần phong mỹ tục của dân tộc, bảo vệ người chưa thành niên hoặc giữ bí mật nghề nghiệp, bí mật kinh doanh, bí mật cá nhân, bí mật gia đình của đương sự*” thì Tòa án có thể xét xử kín. Đây là một quy định hết sức nhân văn và phù hợp với thực tiễn, bởi lẽ những vấn đề về bí mật kinh doanh, uy tín của doanh nghiệp trên thương trường là vấn đề rất nhạy cảm mà nhiều doanh nghiệp khi lựa chọn phương thức giải quyết tại tranh chấp phải cân nhắc.

*** Ưu điểm và nhược của giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại bằng Tòa án**

- Ưu điểm

+ Tòa án là cơ quan xét xử của Nhà nước nên phán quyết của tòa án có tính cưỡng chế cao. Trình tự, thủ tục tố tụng chặt chẽ; và đảm bảo hiệu lực thi hành của phán quyết tại Tòa. Nếu các bên không chấp hành sẽ bị cưỡng chế bởi cơ quan thi hành án. Các bên được bảo toàn quyền lợi và nghĩa vụ của mình bắt buộc phải thực hiện theo phán quyết của Tòa.

+ Nguyên tắc xét xử công khai có tính răn đe đối với những thương nhân kinh doanh vi phạm pháp luật. Đây cũng là một lợi thế; vì khi có những vụ xét xử công khai sẽ nhận ra những doanh nghiệp mang tính lừa lọc; hay vi phạm để tránh những trường hợp khác xảy ra.

+ Các tòa án, đại diện cho chủ quyền quốc gia; có điều kiện tốt hơn các trọng tài viên trong việc tiến hành điều tra; có quyền cưỡng chế, triệu tập bên thứ ba đến tòa.

+ Các bên không phải trả thù lao cho thẩm phán; ngoài ra, án phí được quy định rõ và cụ thể để các bên chủ động chuẩn bị mức kinh phí chi trả.

- Hạn chế

+ Phán quyết của tòa án thường bị kháng cáo. Quá trình tố tụng có thể phải qua nhiều cấp xét xử nên việc giải quyết tranh chấp có thể kéo dài.

+ Nguyên tắc xét xử công khai của tòa án tuy là nguyên tắc được xem là tiến bộ, mang tính răn đe nhưng đôi khi lại khiến một số doanh nhân e ngại vì có khả năng quá trình giải quyết tranh chấp thì những bí mật kinh doanh bị lộ lọt làm ảnh hưởng đến uy tín thương hiệu và việc kinh doanh.

*** Vai trò của phương thức giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại bằng Tòa án**

Khi có tranh chấp phát sinh trong hoạt động thương mại, các bên phải tìm cách giải quyết và tháo gỡ các bất đồng, xung đột, trong đó có phương thức giải quyết tranh chấp tại Tòa án. Cùng với các vai trò chung, giải quyết tranh chấp kinh tế, thương mại bằng Tòa án cũng có những vai trò nhất định.

Thứ nhất, giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại bằng Tòa án góp phần ổn định môi trường kinh doanh. Hoạt động thương mại là hoạt động nhằm mục đích sinh lợi, trong đó các thương nhân hướng đến mục đích của cuối cùng của hoạt động này là lợi nhuận. Khi có tranh chấp xảy ra giữa các bên thì sẽ có những tác động tiêu cực đến hoạt động kinh doanh của các thương nhân. Thông thường, họ sẽ theo đuổi đến cùng vụ tranh chấp để bảo vệ quyền và lợi ích một cách tối đa cho mình, tuy nhiên nếu không tìm cách giải quyết kịp thời, các thương nhân sẽ bỏ bê công việc làm ăn hiện tại và cũng như các cơ hội đầu tư kinh doanh ngay trước mắt để đuổi theo một tranh chấp đang diễn ra. Khi tranh chấp diễn ra quá lâu mà các bên chưa giải quyết được thì sẽ dẫn đến sự mệt mỏi, tiêu tốn tiền của và kéo dài thời gian, từ đó dẫn tới lãng phí thời gian và tiền bạc và các cơ hội làm ăn kinh doanh⁽¹⁶⁾.

Mặt khác, đặc trưng trong lĩnh vực kinh tế, thương mại là tính chất đa dạng, phong phú và phức tạp, từ tranh chấp này có thể dẫn đến tranh chấp khác. Từ đó, khi giải quyết triệt để được tranh chấp này sẽ làm ngăn ngừa được các tranh chấp khác phát sinh, tránh cả một chuỗi dài nảy sinh tranh chấp dẫn đến môi trường kinh doanh bị đảo lộn không được ổn định, các hoạt động kinh tế, thương mại của các thương

⁽¹⁶⁾ Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình Luật Thương mại*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội, 2019, tr 130.

nhân trong nền kinh tế cũng khó có thể phát triển một cách ổn định, ít nhiều cũng bị ảnh hưởng bởi các tranh chấp. Do vậy, với hoạt động xét xử của Tòa án, Tòa án là người thứ ba đứng ra để giải quyết, tháo gỡ các bất đồng, xung đột giữa các bên, từ đó làm giảm thiểu được đáng kể các tranh chấp xảy ra và phòng ngừa được các tranh chấp khác có thể phát sinh. Vì vậy, việc giải quyết tranh chấp thương mại của Tòa án có vai trò ổn định môi trường kinh doanh⁽¹⁷⁾.

Thứ hai, giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại bằng Tòa án có vai trò bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bên bị xâm phạm.

Khi thương nhân cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm, thì thương nhân được quyền khởi kiện ra Tòa án để yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình. Khi giải quyết tranh chấp, Tòa án dựa vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến phiên tòa để xem xét bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bên bị xâm hại. Tòa án sẽ ra quyết định, bản án để buộc bên xâm hại phải chịu các chế tài mà Tòa án áp dụng. Nếu bên xâm hại không thực hiện những hành vi mà Tòa án yêu cầu thì có thể bị cưỡng chế thực hiện bởi cơ quan Thi hành án và các cơ quan chức năng có thẩm quyền khác. Thông thường, bên xâm hại sẽ phải hoàn trả những gì mà đã gây thiệt hại cho bên bị xâm hại, ngoài ra còn phải bồi thường và bị phạt vi phạm hợp đồng (nếu trong hợp đồng có thỏa thuận việc phạt vi phạm). Từ đó có thể thấy rằng, Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bên bị xâm hại bằng các chế tài và được đảm bảo thực hiện bằng quyền lực Nhà nước.

1.3. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại tại Tòa án cấp sơ thẩm

1.3.1. Thẩm quyền quyết tranh chấp hợp đồng thương mại tại Tòa án cấp sơ thẩm

Theo tác giả Phan Hoài Nam thì thẩm quyền là quyền được thực hiện những

⁽¹⁷⁾ Trương Hòa Bình, “Tiếp tục hoàn thiện mô hình tổ chức và hoạt động của TAND, tương xứng với chức năng, nhiệm vụ “Tòa án là cơ quan xét xử của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền tư pháp””, *Tạp chí Tòa án nhân dân*, số 7/2014, tr 12.

hành vi pháp lý mà pháp luật giao cho một tổ chức hoặc một nhân viên nhà nước⁽¹⁸⁾. Như vậy, dưới những góc độ khác nhau thì khái niệm “thẩm quyền” được giải thích có đôi chút khác nhau. Tuy nhiên, có thể chung quy lại, “thẩm quyền là thuật ngữ dùng để chỉ phạm vi, giới hạn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cá nhân hoặc cơ quan nhà nước trong việc thực thi quyền lực nhà nước được pháp luật quy định”.

Thẩm quyền gắn liền với quyền và nhiệm vụ mà pháp luật quy định cho cơ quan nhà nước, người nắm giữ những chức vụ lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan đó để thực hiện chức năng và nhiệm vụ của họ. Thẩm quyền của mỗi cơ quan và cá nhân được phân định theo lĩnh vực, ngành, khu vực hành chính, cấp hành chính. Trong mỗi ngành, thẩm quyền được phân định theo chức năng, nhiệm vụ của ngành như thẩm quyền của Tòa án nhân dân là xét xử. Tuy nhiên, một loại việc có thể thuộc thẩm quyền của một hoặc nhiều cơ quan, cá nhân trong các ngành, cấp khác nhau. Chúng ta có thể hiểu, thẩm quyền giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại bằng Tòa án *“là quyền của tòa án trong việc xem xét giải quyết các vụ án về quyết tranh chấp hợp đồng thương mại theo quy định của pháp luật và quyền ra bản án, quyết định khi giải quyết vụ việc đó”*⁽¹⁹⁾.

Theo khoa học pháp lý và căn cứ pháp luật hiện hành, việc xét xử của tòa án ở nước ta áp dụng nguyên tắc hai cấp xét xử: sơ thẩm và phúc thẩm. Sơ thẩm là thủ tục xét xử đầu tiên trong quá trình tố tụng. Tại giai đoạn này, Tòa án có thẩm quyền sẽ xem xét và giải quyết vụ việc căn cứ vào đơn yêu cầu của người yêu cầu hoặc đơn khởi kiện của người khởi kiện (nếu là vụ việc dân sự, hành chính), quyết định truy tố của Viện kiểm sát (nếu là vụ án hình sự). Kết quả của giai đoạn xét xử sơ thẩm là Tòa án có thẩm quyền sẽ ban hành quyết định hoặc bản án giải quyết vụ việc/vụ án. Tùy vào loại vụ án cụ thể, việc giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm sẽ tuân theo thủ tục và trình tự được quy định tại Bộ luật Tố tụng Dân sự, Bộ luật Tố tụng Hình sự và Luật Tố tụng Hành chính hiện hành.

⁽¹⁸⁾ Phan Hoài Nam, *Giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại tại Tòa án - Thẩm quyền và pháp luật áp dụng*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia, Tp. Hồ Chí Minh, 2019, tr 130.

⁽¹⁹⁾ Phan Hoài Nam, *Giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại tại Tòa án - Thẩm quyền và pháp luật áp dụng*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia, Tp. Hồ Chí Minh, 2019, tr 132.

Thẩm quyền của Tòa án các cấp phân định thẩm quyền sơ thẩm giữa các cấp Tòa án với nhau. Pháp luật tố tụng dân sự quy định về thẩm quyền xét xử sơ thẩm của Tòa án các cấp đối với quyết tranh chấp hợp đồng thương mại xuất phát từ những đặc thù của hệ thống Tòa án của Việt Nam. Hệ thống Tòa án của Việt Nam được xây dựng theo cấp Tòa án, theo đó việc xét xử sơ thẩm có thể ở TAND cấp huyện hoặc cấp tỉnh. BLTTDS căn cứ vào tính chất phức tạp của vụ việc để phân định thẩm quyền giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại giữa TAND cấp huyện và Tòa án cấp tỉnh, cụ thể:

1.3.1.1. Thẩm quyền sơ thẩm của TAND cấp huyện

Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 BLTTDS năm 2015, Tòa án nhân dân cấp huyện có thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm những tranh chấp về kinh tế, thương mại quy định tại khoản 1 Điều 30 BLTTDS năm 2015: Tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình quy định tại Điều 26 và Điều 28 của Bộ luật này, trừ tranh chấp quy định tại khoản 7 Điều 26 của Bộ luật này; Tranh chấp về kinh doanh, thương mại quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật này; Tranh chấp về lao động quy định tại Điều 32 của Bộ luật này²⁰.

TAND cấp huyện có thẩm quyền giải quyết những yêu cầu sau đây: Yêu cầu về dân sự quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 6, 7, 8, 9 và 10 Điều 27 của Bộ luật này; Yêu cầu về hôn nhân và gia đình quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 10 và 11 Điều 29 của Bộ luật này; Yêu cầu về kinh doanh, thương mại quy định tại khoản 1 và khoản 6 Điều 31 của Bộ luật này; Yêu cầu về lao động quy định tại khoản 1 và khoản 5 Điều 33 của Bộ luật này”.

Ngoài ra, những tranh chấp, yêu cầu quy định tại khoản 1 và khoản 2 nêu trên mà có đương sự hoặc tài sản ở nước ngoài hoặc cần phải ủy thác tư pháp cho cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài, cho Tòa án, cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài chỉ thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND cấp huyện khi: TAND cấp huyện nơi cư trú của công dân Việt Nam hủy việc kết hôn trái pháp luật, giải quyết việc ly hôn, các tranh chấp về quyền và nghĩa vụ của vợ chồng,

²⁰ Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

cha mẹ và con, về nhận cha, mẹ, con, nuôi con nuôi và giám hộ giữa công dân Việt Nam cư trú ở khu vực biên giới với công dân của nước láng giềng cùng cư trú ở khu vực biên giới với Việt Nam theo quy định của Bộ luật này và các quy định khác của pháp luật Việt Nam²¹.

Đối với các TAND cấp huyện có tổ chức Tòa chuyên trách, thì Toà dân sự của TAND cấp huyện có thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm những vụ việc về dân sự, kinh tế, thương mại, lao động thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại Điều 35 BLTTDS năm 2015. Đối với TAND cấp huyện chưa có Tòa chuyên trách thì Chánh án Tòa án có trách nhiệm tổ chức công tác xét xử và phân công Thẩm phán giải quyết vụ việc thuộc thẩm quyền của TAND cấp huyện²². Đây là quy định hoàn toàn mới của BLTTDS năm 2015 so với các quy định tổ tụng dân sự trước đây. Quy định này nhằm đảm bảo tính thống nhất với cơ cấu tổ chức của Tòa án cấp huyện theo Luật Tổ chức Tòa án nhân dân, đảm bảo chuyên môn hoá trong việc giải quyết tranh chấp, xét xử.

1.3.1.2. Thẩm quyền sơ thẩm của Tòa án nhân dân cấp tỉnh

Theo quy định tại Điều 37 BLTTDS năm 2015, TAND cấp tỉnh có thẩm quyền giải quyết các tranh chấp kinh tế, thương mại thuộc thẩm quyền của Tòa án cấp huyện có đương sự, tài sản tranh chấp ở nước ngoài hoặc cần phải uỷ thác tư pháp nước ngoài; nhưng tranh chấp trong kinh tế, thương mại thuộc lĩnh vực chuyên ngành, phức tạp mà không buộc phải xuất hiện yếu tố nước ngoài. Đó là những tranh chấp liên quan đến việc do Trọng tài thương mại Việt Nam giải quyết; tranh chấp liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ có mục đích lợi nhuận; những tranh chấp trong kinh tế, thương mại thuộc thẩm quyền của TAND cấp huyện mà TAND cấp tỉnh tự mình lấy lên giải quyết khi thấy vụ việc phức tạp, việc điều tra thu thập chứng cứ có nhiều khó khăn hoặc cần đảm bảo tính khách quan trong quá trình giải quyết; phải giám định kỹ thuật phức tạp; tranh chấp liên quan tới nhiều đương sự, tài sản tranh chấp ở nhiều địa phương khác nhau...

²¹ Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015.

²² Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015.

Đối với các Tòa chuyên trách của TAND cấp tỉnh, theo quy định tại Điều 38 BLTTDS năm 2015 có thẩm quyền: Giải quyết theo thủ tục sơ thẩm những tranh chấp, yêu cầu về dân sự thuộc thẩm quyền của TAND cấp tỉnh quy định tại Điều 37 của Bộ luật này; Giải quyết theo thủ tục phúc thẩm những vụ việc mà bản án, quyết định dân sự chưa có hiệu lực pháp luật của TAND cấp huyện bị kháng cáo, kháng nghị theo quy định của Bộ luật này²³.

Tòa kinh tế TAND cấp tỉnh có thẩm quyền: Giải quyết theo thủ tục sơ thẩm những tranh chấp, yêu cầu về kinh doanh, thương mại thuộc thẩm quyền của TAND cấp tỉnh quy định tại Điều 37 của Bộ luật này; Giải quyết theo thủ tục phúc thẩm những vụ việc mà bản án, quyết định kinh doanh, thương mại chưa có hiệu lực pháp luật của TAND cấp huyện bị kháng cáo, kháng nghị theo quy định của Bộ luật này²⁴.

1.3.2. Trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại tại Tòa án

Pháp luật quy định về những nguyên tắc cơ bản trong tổ tụng dân sự; trình tự, thủ tục khởi kiện để Tòa án nhân dân giải quyết các vụ án về tranh chấp hợp đồng thương mại. Trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại bằng Tòa án thông qua các bước:

1.3.2.1. Chuẩn bị khởi kiện.

Khi lựa chọn phương thức giải quyết tranh chấp là Tòa án, bên yêu cầu cần chuẩn bị cho việc khởi kiện với các công việc sau:

**** Soạn đơn khởi kiện***

Đơn khởi kiện phải có các nội dung: ngày, tháng, năm làm đơn khởi kiện; Tên Tòa án nhận đơn khởi kiện; Tên, nơi cư trú, làm việc của người khởi kiện là cá nhân hoặc trụ sở của người khởi kiện là cơ quan, tổ chức; số điện thoại, fax và địa chỉ thư điện tử (nếu có); tên, nơi cư trú, làm việc của người có quyền và lợi ích được bảo vệ; tên, nơi cư trú, làm việc của người bị kiện là cá nhân hoặc trụ sở của người bị kiện là cơ quan, tổ chức; số điện thoại, fax và địa chỉ thư điện tử (nếu có); tên, nơi cư trú,

²³ Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

²⁴ Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

làm việc của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; Quyền, lợi ích hợp pháp của người khởi kiện bị xâm phạm, những vấn đề cụ thể yêu cầu Tòa án giải quyết đối với người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; họ, tên, địa chỉ của người làm chứng (nếu có); danh mục tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện. Trên thực tế, các Tòa án đều đưa ra mẫu đơn khởi kiện và yêu cầu người khởi kiện phải thực hiện theo mẫu⁽²⁵⁾.

** Chuẩn bị các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu là có căn cứ và hợp pháp*

Nguyên tắc giải quyết tranh chấp dân sự là nghĩa vụ chứng minh luôn thuộc về người có yêu cầu. Khi khởi kiện, người có yêu cầu phải chứng minh về sự tồn tại của quan hệ pháp luật kinh doanh thương mại, mâu thuẫn về quyền lợi giữa các bên không thể tự giải quyết. Trong quá trình giải quyết vụ án, người có yêu cầu phải luôn đưa ra được các chứng cứ, tài liệu chứng minh quyền lợi hợp pháp của họ bị xâm phạm bởi hành vi vi phạm của 1 hoặc các bên còn lại. Trong giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại, nếu bên nào không cung cấp được chứng cứ bảo vệ quyền lợi cho mình thì bên đó phải chịu hậu quả pháp lý. Tòa án chỉ tham gia vào quá trình thu thập, cung cấp chứng cứ khi các bên không thể tự thu thập được và có đơn yêu cầu.

** Thu thập chứng cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp.*

Chứng cứ phải đảm bảo: khách quan, liên quan và hợp pháp. Chứng cứ phải được thu thập từ những nguồn sau: tài liệu đọc được, nghe được, nhìn được, dữ liệu điện tử; vật chứng; lời khai của đương sự; lời khai của người làm chứng; kết luận giám định; biên bản ghi kết quả thẩm định tại chỗ; kết quả định giá tài sản, thẩm định giá tài sản; văn bản ghi nhận sự kiện, hành vi pháp lý do người có chức năng lập; văn bản công chứng, chứng thực; các nguồn khác mà pháp luật quy định.

** Nộp đơn khởi kiện.*

Người khởi kiện gửi đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo đến Tòa án có thẩm quyền theo 1 trong các phương thức sau: Nộp trực tiếp tại Tòa án; Gửi đến Tòa án theo đường dịch vụ bưu chính; Gửi trực tuyến bằng hình thức điện tử qua

⁽²⁵⁾ Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Công thông tin điện tử của Tòa án (nếu có).

1.3.2.2. Quy trình khởi kiện và giải quyết tranh chấp tại Tòa án.

** Nộp đơn khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền.*

Trong thời hạn 8 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn khởi kiện, Tòa án phải ra một trong các quyết định sau: Yêu cầu sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện; Chuyển đơn khởi kiện cho Tòa án có thẩm quyền; Trả lại đơn khởi kiện; Tiến hành thủ tục thụ lý vụ án.

Trường hợp tiến hành thụ lý vụ án, Tòa án ra thông báo người khởi kiện đồng thời thông báo nộp tạm ứng án phí. Người khởi kiện nộp tạm ứng án phí trong thời gian 07 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Tòa án về việc nộp tạm ứng án phí. Kể từ ngày người khởi kiện nộp biên lai nộp tạm ứng án phí cho Tòa án, Tòa án vào sổ thụ lý. Thông báo về việc thụ lý vụ án đến Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, bị đơn, nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Thời hạn chuẩn bị xét xử đối với vụ án kinh doanh thương mại kéo dài từ 2 đến 3 tháng theo điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015⁽²⁶⁾.

** Giai đoạn chuẩn bị xét xử*

Theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) 2015 thì trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Thẩm phán thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây: Lập hồ sơ vụ án; Xác định tư cách đương sự, người tham gia tố tụng khác; Xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự và pháp luật cần áp dụng; Làm rõ những tình tiết khách quan của vụ án; Xác minh, thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật này; Áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời; Tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của Bộ luật này, trừ trường hợp vụ án được giải quyết theo thủ tục rút gọn; Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Bộ luật này.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử, tùy từng trường hợp, Thẩm phán ra một trong các quyết định sau đây: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự; Tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự; Đình chỉ giải quyết vụ án dân sự; Đưa vụ án ra xét xử. Trong

⁽²⁶⁾ Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

thời hạn 01 tháng, kể từ ngày có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án phải mở phiên tòa; trường hợp có lý do chính đáng thì thời hạn này là 02 tháng.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án có trách nhiệm tổ chức hòa giải giữa các bên trong tranh chấp. Theo Điều 209 và Điều 210 BLTTDS năm 2015, trước khi xét xử sơ thẩm quyết tranh chấp hợp đồng thương mại Tòa án phải tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vụ án để giúp các đương sự thoả thuận với nhau về việc giải quyết tranh chấp, trừ những tranh chấp không được hoà giải hoặc không tiến hành hoà giải được theo quy định tại Điều 206 BLTTDS năm 2015⁽²⁷⁾.

* Khi kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Thẩm phán công bố tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, hỏi đương sự về những vấn đề sau đây:

+ Yêu cầu và phạm vi khởi kiện, việc sửa đổi, bổ sung, thay đổi, rút yêu cầu khởi kiện, yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập; những vấn đề đã thống nhất, những vấn đề chưa thống nhất yêu cầu Tòa án giải quyết;

+ Tài liệu, chứng cứ đã giao nộp cho Tòa án và việc gửi tài liệu, chứng cứ cho đương sự khác;

+ Bổ sung tài liệu, chứng cứ; yêu cầu Tòa án thu thập tài liệu, chứng cứ; yêu cầu Tòa án triệu tập đương sự khác, người làm chứng và người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa;

+ Những vấn đề khác mà đương sự thấy cần thiết;

+ Sau khi các đương sự đã trình bày xong, Thẩm phán xem xét các ý kiến, giải quyết các yêu cầu của đương sự. Trường hợp người được Tòa án triệu tập vắng mặt thì Tòa án thông báo kết quả phiên họp cho họ.

* Khi hòa giải tranh chấp hợp đồng thương mại:

+ Các bên đương sự sẽ trình bày về quan điểm về những vấn đề cần hòa giải, hướng giải quyết vụ án và những người khác tham gia phiên họp hòa giải (nếu có) phát biểu ý kiến;

+ Sau khi các bên đương sự trình bày hết ý kiến của mình, Thẩm phán xác

⁽²⁷⁾ Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

định những vấn đề các đương sự đã thống nhất, chưa thống nhất và yêu cầu các đương sự trình bày bổ sung về những nội dung chưa rõ, chưa thống nhất;

+ Thẩm phán kết luận về những vấn đề các đương sự đã thống nhất, chưa thống nhất.

Trường hợp các đương sự thỏa thuận được với nhau về vấn đề phải giải quyết trong vụ án tranh chấp hợp đồng thương mại thì Tòa án lập biên bản hòa giải thành. Biên bản này được gửi ngay cho các đương sự tham gia hòa giải. Hết thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành mà không có đương sự nào thay đổi ý kiến về thoả thuận đó, thì Thẩm phán chủ trì phiên hoà giải ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự. Nếu vì trở ngại khách quan mà Thẩm phán không ra quyết định được thì Chánh án Tòa án phân công một Thẩm phán khác quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự.

** Xét xử sơ thẩm*

Phiên Tòa sơ thẩm phải được mở trong thời gian 30 ngày kể từ ngày có Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Phiên tòa sơ thẩm có thể bị tạm hoãn, thời gian hoãn tối đa không quá 30 ngày⁽²⁸⁾.

Hội đồng xét xử gồm: 01 thẩm phán và 02 hội thẩm nhân dân. Hội đồng xét xử quyết định theo nguyên tắc bình đẳng và theo đa số. Phiên toà sơ thẩm gồm 4 giai đoạn:

(1) Khai mạc phiên toà

(2) Thủ tục hỏi tại phiên toà: hỏi đương sự về yêu cầu của họ, nghe lời trình bày của các đương sự, hỏi từng đương sự, từng vấn đề.

(3) Tranh luận tại phiên toà: chủ tọa không được giới hạn thời gian tranh luận nhưng có quyền cắt những ý kiến không có liên quan đến vụ án. Sau khi những người tham gia tố tụng phát biểu tranh luận và đối đáp xong, Chủ tọa phiên toà đề nghị Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Qua tranh luận, nếu xét thấy có tình tiết của vụ án chưa được xem xét, việc xem xét chưa được đầy đủ hoặc cần phải xem xét thêm chứng cứ thì Hội đồng xét xử quyết định trở lại việc hỏi, khi hỏi

⁽²⁸⁾ Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

xong phải tiếp tục tranh luận.

(4) Nghị án và tuyên án: các thành viên của Hội đồng xét xử phải giải quyết tất cả các vấn đề của vụ án bằng cách biểu quyết theo đa số về từng vấn đề. Hội thẩm nhân dân biểu quyết trước, Thẩm phán biểu quyết sau cùng, người có ý kiến thiểu số có quyền trình bày ý kiến đó bằng văn bản và được đưa vào hồ sơ vụ án. Khi nghị án chỉ được căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên toà, kết quả hỏi tại phiên toà, xem xét đầy đủ ý kiến của những người tham gia tố tụng, Kiểm sát viên và phải có biên bản ghi lại ý kiến đã thảo luận, quyết định của Hội đồng xét xử, được các thành viên Hội đồng xét xử ký tên tại phòng nghị án trước khi tuyên án.

Sau khi tuyên án xong không được sửa chữa, bổ sung bản án trừ trường hợp phát hiện lỗi chính tả, về số liệu do nhầm lẫn hoặc tính toán sai⁽²⁹⁾.

⁽²⁹⁾ Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Trong đời sống kinh tế hiện nay ở nước ta, các tranh chấp trong hoạt động kinh tế, thương mại thường xuyên xảy ra và đặt ra yêu cầu cấp thiết cần có phương thức giải quyết tranh chấp thật hiệu quả, nhanh chóng và phù hợp với chủ thể hoạt động kinh doanh thương mại. Qua nghiên cứu một số vấn đề lý luận và quy định của pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại tại Tòa án cấp sơ thẩm, tác giả rút ra kết luận như sau:

Một là, thông qua phân tích quy định về khái niệm, đặc điểm của hợp đồng thương mại, tranh chấp hợp đồng thương mại nhằm làm rõ đối tượng, mối quan hệ pháp luật trọng tâm của vụ án giải quyết tranh chấp thương mại cần hướng tới. Việc xác định đúng mối quan hệ pháp luật phát sinh tranh chấp là tiền đề quan trọng trong việc áp dụng pháp luật, nhất là các quy định cụ thể trong từng luật chuyên ngành nhằm giải quyết hiệu quả, phù hợp các vụ án tranh chấp hợp đồng thương mại, bảo đảm đúng pháp luật và bảo vệ hiệu quả quyền, lợi ích chính đáng của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Hai là, trên cơ sở những vấn đề chung về hợp đồng thương mại, tranh chấp hợp đồng thương mại, đề án đi sâu phân tích các quy định của pháp luật hiện hành về các phương pháp giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại, từ đó làm rõ những ưu, nhược điểm của từng phương pháp như thương lượng, hoà giải, trọng tài thương mại và toà án. Qua đó, trên cơ sở lý luận và các quy định pháp luật để làm rõ hơn những đặc thù riêng có của phương pháp giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại tại Tòa án cấp sơ thẩm, với những đặc điểm quan trọng này đã giúp phương pháp giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại bằng Tòa án ngày càng khẳng định được vai trò, vị trí, ý nghĩa trụ cột trong việc giải quyết hiệu quả, triệt để, nhanh chóng các vụ án tranh chấp, bảo vệ được quyền và lợi ích chính đáng của đương sự, góp phần tạo môi trường kinh doanh thương mại minh bạch, phục vụ hiệu quả nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhà và đóng góp tích cực cho mục tiêu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân.

CHƯƠNG 2: THỰC TIỄN ÁP DỤNG PHÁP LUẬT TRONG GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG THƯƠNG MẠI TẠI TOÀ ÁN CẤP SƠ THẨM Ở TỈNH BÌNH THUẬN

2.1. Về kết quả quyết tranh chấp hợp đồng thương mại của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận thông qua thực tiễn hoạt động xét xử sơ thẩm

Trong giai đoạn từ năm 2020 đến 6 tháng đầu năm 2024, Tòa án nhân dân hai cấp tỉnh Bình Thuận đã đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận trong công tác giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại. Mặc dù số vụ tranh chấp liên quan đến lĩnh vực này xảy ra không nhiều so với mặt bằng chung của các địa phương khác trên cả nước, nhưng tỷ lệ giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại ở giai đoạn sơ thẩm của Tòa án nhân dân cấp huyện luôn duy trì ổn định ở mức trung bình khá, trong đó năm 2023 đã đạt tỷ lệ khá cao.

Bảng 2.1. Thống kê việc giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại tại Tòa án cấp sơ thẩm từ năm 2020 đến 6 tháng đầu năm 2024

STT	Năm	2020	2021	2022	2023	6 tháng đầu năm 2024	Tổng số
1.	TAND cấp huyện/ TAND cấp tỉnh thụ lý (vụ)	103/0	53/0	88/0	117/0	51/0	412/0
2.	Giải quyết (vụ)	57	47	55	109	34	302
2.1.	Đình chỉ	18	12	14	22	5	71
2.2.	Công nhận thỏa thuận	25	30	27	63	22	167
2.3.	Xét xử hoặc giải quyết	14	5	14	24	7	64
3.	Hoà giải thành công	3	13	10	34	7	67
4.	Còn lại	43	36	59	33	43	171
5.	Tỷ lệ (%)	58,25	62,50	52,42	81,25	48,81	89,56

(Nguồn: Báo cáo tổng kết từ năm 2020 đến năm 2023 của TAND tỉnh Bình Thuận)

Về thẩm quyền, các Tòa án nhân dân cấp sơ thẩm đã tiếp nhận thụ lý 412/412 vụ án theo đúng thẩm quyền, đạt tỷ lệ 100%. Việc thụ lý vụ án được Tòa án cấp sơ thẩm (Tòa án nhân dân cấp huyện) áp dụng theo đúng quy định của Luật Tổ tụng dân sự năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành, trong đó 412/412 vụ án thụ lý theo thẩm quyền theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 BLTTDS năm 2015 và theo đúng quy định về thẩm quyền theo lãnh thổ tại Điều 39 BLTTDS năm 2015. Đến nay, chưa phát hiện có trường hợp nào thụ lý, giải quyết sai phạm quyền.

Bên cạnh đó, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận đã thực hiện nghiêm túc quy định tại Điều 37 và Điều 38 BLTTDS năm 2015 trong việc thụ lý vụ án theo thẩm quyền; trong giai đoạn 2020-2023 giảm 400% so với giai đoạn 2015-2020 (0/4 vụ), điều này cho thấy tính chất, loại hình tranh chấp hợp đồng thương mại tại Bình Thuận có sự chuyển biến theo từng giai đoạn, phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Qua kết quả thụ lý giải quyết vụ án tranh chấp hợp đồng kinh doanh thương mại cho thấy, Tòa án nhân dân hai cấp tỉnh Bình Thuận đã thụ lý, giải quyết vụ án tranh chấp hợp đồng thương mại giai đoạn sơ thẩm theo đúng quy định về thẩm quyền, đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất trong việc thụ lý, giải quyết.

Quá trình giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo luật định, chưa phát hiện có vụ án tranh chấp hợp đồng thương mại nào bị huỷ do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Bên cạnh đó, nhiều vụ án khi tổ chức họp xem xét tài liệu, chứng cứ, với sự hướng dẫn, giải thích pháp luật của Thẩm phán, tỷ lệ vụ án mà nguyên đơn xin rút đơn ngày càng tăng. Cũng như khi đưa vụ án xét xử sơ thẩm tại Tòa án, tỷ lệ hoà giải thành công tại Tòa án cấp sơ thẩm cũng chiếm tỷ lệ khá cao. Đây là yếu tố tích cực thể hiện được vai trò của Tòa án trong giải quyết dứt điểm, nhanh chóng, có lý có tình đối với các vụ án.

Qua thực tiễn xét xử sơ thẩm tại tỉnh Bình Thuận, trong nhiều vụ án, đội ngũ thẩm phán, thư ký và cán bộ có liên quan đã chú trọng làm tốt công tác tuyên truyền,

phổ biến các quy định pháp luật và quyền, lợi ích của đương sự; hướng dẫn, tư vấn để các bên tranh chấp thoả thuận, rút đơn hoặc hoà giải tại Toà, tránh việc kiện tụng kéo dài gây thiệt hại, tổn kém cho các đương sự. Bên cạnh đó, tỷ lệ án bị kháng cáo tương đối thấp, qua đó càng khẳng định chất lượng xét xử sơ thẩm có nhiều chuyển biến tích cực. Đáng chú ý, quá trình tổng kết công tác xét xử, đã có nhiều vụ án chất lượng, có tính thuyết phục và tuyên truyền cao, được sử dụng làm tài liệu phục vụ nghiên cứu, vận dụng trong quá trình cho đội ngũ cán bộ Toà án toàn tỉnh.

2.2. Những bất cập, khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại tại Toà án cấp sơ thẩm tỉnh Bình Thuận

Thực tiễn công tác giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại tại Toà án nhân dân 2 cấp ở tỉnh Bình Thuận trong những năm qua như đã nêu trên có nhiều kết quả. Tuy nhiên, qua thực tiễn những kết quả đạt được thì công tác giải quyết các tranh chấp kinh tế, thương mại của các TAND ở tỉnh Bình Thuận nói riêng, trong cả nước nói chung cũng còn một số bất cập, tồn tại, hạn chế như sau:

2.2.1. Việc xác định mối quan hệ pháp luật của từng loại hợp đồng thương mại để xác định việc áp dụng pháp luật, nhất là trong tính lãi suất chậm thanh toán, còn chưa thật sự đồng bộ.

Theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại năm 2005 về “Quyền yêu cầu tiền lãi do chậm thanh toán” quy định rõ: Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thoả thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác. Đồng thời, Điều 11, Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao về Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm quy định về “Xác định lãi suất trung bình quy định tại Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005” cụ thể như sau: Trường hợp hợp đồng thuộc phạm vi điều chỉnh tại Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005 thì khi xác định lãi suất chậm trả đối với số tiền chậm trả, Tòa án căn cứ vào mức lãi suất

nợ quá hạn trung bình trên thị trường của ít nhất 03 (ba) ngân hàng thương mại (Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam,...) có trụ sở, chi nhánh hoặc phòng giao dịch tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi Tòa án đang giải quyết, xét xử có trụ sở tại thời điểm thanh toán (thời điểm xét xử sơ thẩm) để quyết định mức lãi suất chậm trả, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

Bên cạnh đó, theo quy định tại khoản 1 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015, trong giao dịch dân sự, trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Có thể thấy, dù các bên không thỏa thuận về lãi suất hoặc thỏa thuận nhưng không xác định rõ mức lãi suất là bao nhiêu thì bên bị vi phạm nghĩa vụ vẫn có quyền buộc bên vi phạm nghĩa vụ trả tiền lãi đối với số tiền chậm thanh toán. Cụ thể, khi phát sinh nghĩa vụ chậm trả tiền/vi phạm thời hạn thanh toán tiền lãi, tiền gốc phải trả thì bên có nghĩa vụ phải thực hiện trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, mức lãi áp dụng trong trường hợp này là theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá 20%/năm. Trường hợp các bên không có thỏa thuận về mức lãi suất hoặc có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định là 10%/năm.

Ví dụ 1 (Vụ án số 1): Bản án số 08/2023/KDTM-ST ngày 18/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết giải quyết vụ án giữa nguyên đơn là Công ty cổ phần bất động sản Đ (trụ sở tại phường 13, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh) và bị đơn là Công ty cổ phần Đ1 (trụ sở tại phường Hưng Long, thành phố Phan Thiết, Bình Thuận). Ngày 25/01/2019, nguyên đơn và bị đơn đã ký 02 hợp đồng hợp tác góp vốn để thực hiện dự án tại thành phố Phan Thiết và đến ngày 29/11/2019 tiếp tục ký kết hợp đồng hợp tác thứ 3. Đến thời điểm tháng 11/2020, do hai bên không đạt được thỏa thuận tiếp tục triển khai việc hợp tác nên đã thống nhất chấm dứt hợp đồng và thực hiện các nghĩa vụ thanh toán theo điều khoản hợp đồng. Do tranh chấp trong việc xác định số tiền phải thanh toán sau khi kết thúc hợp đồng nên nguyên đơn khởi

kiện bị đơn ra Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết để đòi bị đơn thanh toán các khoản tiền gồm: (1) vốn thực góp hợp tác kinh doanh, (2) lợi nhuận từ hợp đồng đã thoả thuận; (3) tiền lãi chậm thanh toán theo điều khoản hợp đồng là 45%/năm theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại 2005. Tại bản án sơ thẩm, Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết nhận định, 03 hợp đồng hợp tác góp vốn để triển khai dự án của Công ty Đ và Đ1 là hợp đồng hợp tác theo quy định tại Điều 504 Bộ luật Dân sự năm 2015: *“Hợp đồng hợp tác là sự thoả thuận giữa các cá nhân, pháp nhân về việc cùng đóng góp tài sản, công sức để thực hiện công việc nhất định cùng hưởng lợi và cùng chịu trách nhiệm. Hợp đồng hợp tác phải được lập thành văn bản”*. Các hợp đồng này đảm bảo các điều kiện theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên có hiệu lực pháp luật. Theo yêu cầu của nguyên đơn trong quá trình khởi kiện, phải áp dụng điều khoản trong hợp đồng hợp tác mà hai bên đã ký kết để tính lãi suất chậm trả, cụ thể là mức lãi suất 45%/năm; đồng thời, theo nội dung tranh luận tại Tòa, người đại diện quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn căn Điều 306 Luật Thương mại 2005 để giữ nguyên quan điểm về mức lãi suất chậm thanh toán là 45%. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định, nghĩa vụ trả tiền khi chấm dứt hợp đồng hợp tác của bị đơn không thuộc đối tượng theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại, theo đó, chỉ áp dụng khi *“...bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác...”*. Đồng thời, căn cứ tính chất của hợp đồng hợp tác giữa nguyên đơn và bị đơn nên áp dụng quy định tại điều 357 và khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 để áp dụng mức lãi suất chậm trả là 20%/năm. Đồng tình với quan điểm của cấp sơ thẩm, tại phiên tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận thống nhất áp dụng mức lãi suất 20%/năm để tính lãi chậm trả đối với các khoản thanh toán trong vụ án theo quy định tại điều 357 và khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015⁽³⁰⁾.

Như vậy, hợp đồng hợp tác giữa nguyên đơn và bị đơn được giao kết theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015, do đó tại bản án sơ thẩm và phúc thẩm đều thống

⁽³⁰⁾ Bản án số 05/2024/KDTM-PT ngày 11/4/2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng hợp tác”, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

nhất áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 để tính mức lãi suất chậm thanh toán, cho dù tại hợp đồng hợp tác kinh doanh, nguyên đơn và bị đơn có thoả thuận riêng về mức lãi suất chậm thanh toán.

Ví dụ 2 (Vụ án số 2): Bản án số 07/2022/KDTM-ST ngày 30/12/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết giải quyết vụ án Công ty Trách nhiệm hữu hạn P1 khởi kiện bà Nguyễn Thị T (sinh năm 1963 - Chủ hộ kinh doanh T) về tranh chấp về yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Về nội dung vụ án: vào ngày 20/5/2020, Công ty Trách nhiệm hữu hạn P1 đã ký với bà Nguyễn Thị T hợp đồng số 2005/2020/HTC về việc thi công nhà khung thép dân dụng; giá trị của hợp đồng là 1.218.240.000 đồng, giá này chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng 10%; đồng thời, hai bên đã thoả thuận trong trường hợp bên A chậm thanh toán tiền thì ngoài số tiền chậm thanh toán bên A còn phải trả tiền lãi suất đối với số tiền chậm thanh toán theo lãi suất vay quá hạn của Ngân hàng S tại thời điểm thanh toán. Sau khi thực hiện hợp đồng, hai bên đã ký biên bản nghiệm thu công trình đảm bảo chất lượng và hiện nay phía bị đơn còn nợ nguyên đơn 244.304.460 đồng. Do nhiều lần đòi nhưng phía bị đơn không thanh toán, nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu phía bị đơn thanh toán nợ gốc và lãi do chậm thanh toán là 10%/năm. Toà án cấp sơ thẩm nhận định nguyên đơn và bị đơn đều là cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh và có mục đích lợi nhuận, nên tranh chấp giữa nguyên và bị đơn là tranh chấp hợp đồng xây dựng phát sinh trong hoạt động kinh doanh giữa các bên là hoàn toàn phù hợp. Theo đó, Toà án cấp sơ thẩm căn cứ Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 để tính lãi chậm thanh toán với mức lãi suất 10%/năm đối với số tiền phía bị đơn chậm thanh toán. Tuy nhiên, theo bản án phúc thẩm số 04/2023/KDTM-PT ngày 15/8/2023 về việc “Tranh chấp về yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán” của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận, đã xác định việc Toà án cấp sơ thẩm căn cứ Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 để tính lãi chậm thanh toán với mức lãi suất 10%/năm là không đúng. Toà phúc thẩm xác định do đây là hợp đồng thương mại, nên phải áp dụng Luật Thương mại năm 2005, cụ thể là Điều 306 để tính lãi do chậm thanh toán mới phù hợp. Theo đó, Toà phúc thẩm xác định tại thời điểm thanh toán (thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 30/12/2022),

lãi suất vay quá hạn của Ngân hàng S đối với kỳ vay trung hạn bằng 150% lãi suất vay tính theo dư nợ ban đầu 8,5%/năm (tức 12,75%/năm)⁽³¹⁾. Như vậy, bản án phúc thẩm đã làm rõ cơ sở việc áp dụng pháp luật trong trường hợp này dựa trên Luật Thương mại 2005.

Trong vụ án này, hợp đồng hợp tác giữa nguyên đơn và vị đơn được giao kết theo quy định của Luật Thương mại năm 2005, nhưng bản án sơ thẩm áp dụng sai căn cứ pháp luật khi viện dẫn Bộ Luật dân sự năm 2015 để tính lãi suất dẫn đến bản án phúc thẩm phải xác định lại cho đúng mức lãi suất chậm thanh toán.

2.2.2. Trong quá trình giải quyết vụ án tại Toà, có trường hợp Toà án cấp sơ thẩm chưa tiến hành thẩm định tại chỗ, làm rõ các nội dung có liên quan quyền và nghĩa vụ của các đương sự dẫn đến bản án sơ thẩm bị huỷ một phần hoặc toàn bộ và phải giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm

Bảng 2.2. Thống kê việc giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại bị xét xử phúc thẩm từ năm 2020 đến 6 tháng đầu năm 2024

STT	Năm	2020	2021	2022	2023	6 tháng 2024	Tổng số
1.	Thụ lý (vụ)	7	4	3	11	1	26
2.	Đình chỉ	3	0	2	1	0	6
3.	Giải quyết (vụ)	1	5	2	5	5	18
3.1.	Giữ nguyên bản án	0	1	1	2	3	7
3.2.	Sửa một phần bản án	1	2	1	3	2	9
3.3.	Huỷ một phần để giải quyết lại	0	1	0	0	0	1
3.4.	Huỷ toàn bộ để giải quyết lại	0	1	0	0	0	1
4.	Còn lại	3	2	1	6	2	2
5.	Tỷ lệ (%)	57,14	71,43	80,00	50,00	71,43	92,31

⁽³¹⁾ Bản án số 04/2023/KDTM-PT ngày 15/8/2023 về việc “Tranh chấp về yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán” của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

(Nguồn: Báo cáo tổng kết từ năm 2020 đến năm 2023 của TAND tỉnh Bình Thuận)

Ví dụ 3 (Vụ án số 3): Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2020/KDTM-ST ngày 29/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh giải quyết vụ án Công ty TNHH D (trụ sở tại xã Hoà Phú, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long) khởi kiện Công ty TNHH P (trụ sở tại Thị trấn Võ Xu, huyện Đức Linh, Bình Thuận). Tuy nhiên, tại Bản án số 01/2021/KDTM-PT ngày 29/3/2021 về việc “Tranh chấp về đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng thuê tài sản”, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận nhận định: Đây là vụ án tranh chấp về đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng; quá trình thu thập chứng cứ Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối tượng của hợp đồng là tài sản thuê; chưa xác định tình trạng tài sản mà bên thuê giao trả lại cho bên cho thuê có theo hiện trạng ban đầu khi thuê hay không; trong khi đó, tại phiên hòa giải ngày 15/7/2019 thể hiện bên cho thuê có đặt vấn đề bên thuê làm hư hỏng tài sản trị giá 800.000.000 đồng, nếu quá trình thực hiện hợp đồng, bên thuê làm hư hao, mất mát tài sản thuê thì khi chấm dứt hợp đồng bên thuê phải bồi thường thỏa đáng cho bên cho thuê, như vậy mới đảm bảo quyền lợi cho bên cho thuê, cấp sơ thẩm chưa xác minh là rõ để giải quyết việc bồi thường là thiếu sót. Việc thu thập chứng cứ, chứng minh chưa được Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện đúng và đầy đủ đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được; cho nên, cần phải hủy bản án sơ thẩm và giao hồ sơ cho Tòa án sơ thẩm thụ lý, giải quyết lại vụ án⁽³²⁾.

Ví dụ 4 (Vụ án số 4): Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2020/KDTM-ST ngày 30 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết giải quyết vụ án Công ty Cổ phần đầu tư Khoáng sản - Than ĐB (trụ sở tại phường 12, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh) khởi kiện Công ty Cổ phần in và Bao bì PN (trụ sở tại xã Phong Nẫm, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận) về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá. Tuy nhiên, tại Bản án số 03/2021/KDTM-PT ngày 24/11/2021 về việc “Tranh chấp về đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng thuê tài sản”, Tòa án nhân

⁽³²⁾ Bản án số 01/2021/KDTM-PT ngày 29/3/2021 về việc “Tranh chấp về đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng thuê tài sản” của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

dân tỉnh Bình Thuận nhận định: Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập tài liệu, chứng cứ; chưa xác minh, đối chất; chưa lấy lời khai đầy đủ mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được, nên Hội đồng xét xử hủy một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2020/KDTM-ST ngày 30 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm⁽³³⁾.

Có thể nhận thấy, việc Tòa án cấp sơ thẩm khi thụ lý, giải quyết các vụ án tranh chấp hợp đồng thương mại đã không làm rõ được các mâu thuẫn liên quan nội dung tranh chấp, không yêu cầu các đương sự và người, có quyền, nghĩa vụ liên quan cung cấp thông tin, tài liệu để làm sáng tỏ bản chất vụ việc đã khiến cho bản án sơ thẩm không đảm bảo tính khách quan, chặt chẽ, phản ánh đúng sự thật và không bảo vệ được quyền, lợi ích hợp pháp giữa các bên. Đây là một trong những nguyên nhân có thể dẫn tới việc khiếu kiện kéo dài, gây thiệt hại đến quyền lợi chính đáng, hợp pháp của chủ thể trong hoạt động kinh doanh thương mại.

2.2.3. Nhiều trường hợp Tòa án cấp sơ thẩm có sai sót về thủ tục tố tụng hoặc xác định sai các chủ thể, đối tượng, mối quan hệ tranh chấp của vụ án tranh chấp hợp đồng thương mại.

Bảng 2.3. Thống kê kết quả xét xử phúc thẩm từ năm 2020 đến 6 tháng đầu năm 2024

STT	Năm	2020	2021	2022	2023	6 tháng 2024	Tổng số
Tổng số vụ án được xét xử phúc thẩm		1	5	2	5	5	18
1.	<i>Giữ nguyên bản án</i>	0	1	1	2	3	7
2.	<i>Sửa một phần bản án</i>	1	2	1	3	2	9
3.	<i>Hủy một phần để giải quyết lại</i>	0	1	0	0	0	1
4.	<i>Hủy toàn bộ để giải quyết lại</i>	0	1	0	0	0	1

⁽³³⁾ Bản án số 03/2021/KDTM-PT ngày 24/11/2021 về việc “Tranh chấp về đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng thuê tài sản” của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận

(Nguồn: Báo cáo tổng kết từ năm 2020 đến năm 2023 của TAND tỉnh Bình Thuận)

Ví dụ 5 (Vụ án số 5): Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2021/KDTM-ST, ngày 29/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình xét xử vụ án Công ty trách nhiệm hữu hạn T (trụ sở tại xã Tam Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai khởi kiện Công ty Cổ phần TN (trụ sở tại thị trấn Lương Sơn, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận) liên quan tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá. Theo đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán nợ gốc, tiền lãi chậm thanh toán, thanh toán tiền phạt vi phạm hợp đồng. Bản án sơ thẩm bị đơn kháng cáo về lãi suất và phạt vi phạm hợp đồng. Tại bản án phúc thẩm số 01/2022/KDTM-PT ngày 17/01/2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá”, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận đã nhận định: Khi Tòa án cấp sơ thẩm đang thụ lý giải quyết vụ án thì bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn 450.000.000 đồng; tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn đã thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán 8.860.082.452 đồng nợ gốc còn lại (so với số tiền 9.310.082.452 đồng ban đầu); điều đó chứng tỏ nguyên đơn đã rút một phần yêu cầu khởi kiện, đáng lẽ ra Tòa án cấp sơ thẩm phải căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự để đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 450.000.000 đồng nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự để đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là thiếu sót, vi phạm thủ tục tố tụng⁽³⁴⁾.

Ví dụ 6 (Vụ án số 6): Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2020/KDTM-ST ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình xét xử vụ án Hộ kinh doanh C (do bà Phan Thị Thu L, sinh 1965 là đại diện; địa chỉ xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk) khởi kiện ông Lê Ngọc D (sinh năm 1961, địa chỉ: xã Bình Tân, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận) và Doanh nghiệp tư nhân nông sản V (chủ doanh nghiệp là bà Huỳnh Thị M, sinh năm 1966; địa chỉ: xã Bình Tân, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận) liên quan tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá. Tại bản án phúc thẩm số 02/2021/KDTM-PT ngày 26/4/2021 về việc “Tranh chấp nghĩa vụ trả tiền”,

⁽³⁴⁾ Bản án số 01/2022/KDTM-PT ngày 17/01/2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá” của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xác định: Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” là không đúng, phải xác định lại quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp nghĩa vụ trả tiền*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Từ xác định sai quan hệ tranh chấp dẫn đến xác định sai tư cách tham gia tố tụng, nên Tòa án cấp phúc thẩm đã xác định lại tư cách tham gia tố tụng của các đương sự theo đúng quy định của pháp luật⁽³⁵⁾.

2.2.4. Nhiều trường hợp Tòa án cấp sơ thẩm trong bản án đã nhầm lẫn khi xác định đối tượng thi hành án hoặc không tuyên nội dung biện pháp khẩn cấp đã áp dụng

Ví dụ 7 (Vụ án số 7): Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2023/KDTM-ST ngày 10/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong xét xử vụ án Ngân hàng A (trụ sở tại phường Thanh Công, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội) khởi kiện Công ty TNHH VP (trụ sở tại xã Vĩnh Tân, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận) liên quan tranh chấp hợp đồng tín dụng. Theo đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán nợ gốc, tiền lãi chậm thanh toán theo hợp đồng tín dụng có sự bảo lãnh của ông Võ P và bà Phạm Thị Hằng N bằng hợp đồng thế chấp. Tại bản án số 03/2023/KDTM-PT ngày 11/7/2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xác định: tại phần quyết định của bản án sơ thẩm, thay vì tuyên quyền xử lý tài sản đối với các hợp đồng thế chấp tài sản thì Tòa sơ thẩm lại tuyên xử lý tài sản thế chấp đối với từng loại tài sản là không đúng nên Tòa án cấp phúc thẩm tuyên lại cho đúng⁽³⁶⁾.

Ví dụ 8 (Vụ án số 1): Trở lại bản án số 08/2023/KDTM-ST ngày 18/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết nêu tại ví dụ 1. Quá trình thụ lý vụ án, ngày 24/5/2023, Tòa án sơ thẩm ra Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2023/QĐ-BPKCTT cấm xuất cảnh đối với ông Nguyễn Quang H2 (Tổng giám

⁽³⁵⁾ Bản án phúc thẩm số 02/2021/KDTM-PT ngày 26/4/2021 về việc “Tranh chấp nghĩa vụ trả tiền”, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

⁽³⁶⁾ Bản án số 03/2023/KDTM-PT ngày 11/7/2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận

độc Công ty Đ1). Đến ngày xét xử sơ thẩm, không có căn cứ thay đổi, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời đang được áp dụng nhưng Tòa án sơ thẩm không tuyên tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời đang được áp dụng là thiếu sót. Theo đó, Tòa án phúc thẩm đã bổ sung và tuyên tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời cấm xuất cảnh đối với người có nghĩa vụ⁽³⁷⁾.

Như vậy, thực tế việc giải quyết các trường hợp nêu trên vẫn còn nhiều bất cập, tạo ra sự không đồng bộ trong việc áp dụng pháp luật.

2.3. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế

2.3.1. Nguyên nhân khách quan

Trong quá trình giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại tại Tòa án nhân dân hai cấp tỉnh Bình Thuận còn có nhiều tồn tại và bất cập bởi nhiều nguyên nhân khác nhau, trong đó có nguyên nhân quan và chủ quan. Trong khuôn khổ của đề án, xin nêu ra một số nguyên nhân như sau:

Thứ nhất, trong Bộ luật tố tụng dân sự 2015 còn có quy định chưa rõ để xác định đâu là tranh chấp thương mại, đâu là tranh chấp dân sự, đó là tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quy định “tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa các cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận”, trong trường hợp tranh chấp phát sinh giữa một bên có đăng ký kinh doanh, có mục đích lợi nhuận với một bên không đăng ký kinh doanh nhưng cũng có mục đích lợi nhuận hoặc chỉ có một bên đăng ký kinh doanh, có mục đích lợi nhuận, còn một bên không đăng ký kinh doanh và không có mục đích lợi nhuận thì tranh chấp đó thuộc lĩnh vực dân sự hay kinh tế, thương mại.

Mặt khác, các văn bản hướng dẫn Luật Thương mại 2005 vẫn còn nhiều bất cập và hạn chế. Nhiều nội dung hướng dẫn trong Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán hay các Nghị định của Chính phủ... còn có mâu thuẫn với Luật Thương mại 2005, điều này dẫn đến một hệ quả đương nhiên đó là Thẩm phán đưa ra những quyết định, bản án theo nhận định riêng nên ảnh hưởng nhất định đến quyền lợi của những

⁽³⁷⁾ Bản án số 05/2024/KDTM-PT ngày 11/4/2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng hợp tác” của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

người tham gia tố tụng.

Thứ hai, pháp luật Việt Nam hiện hành quy định về lĩnh vực thương mại và giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại tại Tòa án vẫn còn nhiều bất cập thiếu sót cả về luật nội dung và luật hình thức. Đối với luật nội dung thì còn nhiều những quy định chồng chéo lẫn nhau, có những quy định pháp luật thì không còn phù hợp với thực tại khách quan của xã hội, điển hình như Luật Thương mại 2005, khi nền kinh tế đã phát triển rất nhiều hơn trước, các quan hệ thương mại cũng phong phú và phức tạp hơn nhưng Luật Thương mại vẫn chưa được sửa đổi bổ sung kịp thời để phù hợp với kinh tế - xã hội hiện nay. Mặt khác, quy định về cách thức tính lãi chậm trả của Bộ luật Dân sự năm 2015 so với Luật Thương mại 2005 là có sự khác nhau, như vậy sự không đồng nhất của pháp luật dẫn tới sự khó khăn trong cách áp dụng pháp luật để giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại tại tòa án nói chung và thực tiễn xét xử tại Tòa án nhân dân hai cấp tỉnh Bình Thuận nói riêng.

Thứ ba, thời hạn giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại tại Tòa án là quá ngắn, gây nhiều áp lực về tiến độ công việc cho các thẩm phán. Trong khi đó, cùng một thời gian, Thẩm phán phải nghiên cứu nhiều hồ sơ và nhiều loại vụ việc khác nhau vì vậy chất lượng của bản án, quyết định của Tòa án chưa được đảm bảo một cách tuyệt đối. Ngoài ra còn có các nguyên nhân khác như sự không hợp tác giữa các đương sự với nhau, các đương sự không cung cấp hết, đầy đủ các chứng cứ để giải quyết vụ án, triệu tập đương sự nhưng họ không đến Tòa... từ đó công tác xét xử của Tòa án nhân dân Tỉnh Bình Thuận cũng gặp không ít những khó khăn và bất cập.

Thứ tư, hiện nay tại Tòa án nhân dân hai cấp Bình Thuận chưa thành lập Tòa án chuyên trách giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại. Các vụ án, vụ việc tranh chấp hợp đồng kinh doanh thương mại do Tòa án cấp huyện, Tòa án dân sự cấp tỉnh căn cứ thẩm quyền tiếp nhận và phân công thẩm phán thụ lý. Bên cạnh đó, biên chế hiện có của Tòa án nhân dân hai cấp tỉnh Bình Thuận đang thiếu so với biên chế định biên do Tòa án nhân dân tối cao ấn định giai đoạn 2023 - 2026⁽³⁸⁾. Với khối

³⁸ Thiếu 27 biên chế so với Theo Quyết định số 347/QĐ-TCCB ngày 28/3/2023 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao về việc giao biên chế cho Tòa án nhân dân các cấp tỉnh giai đoạn 2023 – 2026 (198/225 biên chế).

lượng công việc lớn, không có sự phân định rạch ròi trong việc phân công giải quyết các vụ án hình sự, dân sự, kinh doanh thương mại hiện nay đã ảnh hưởng nhất việc đến tính chuyên sâu của Thẩm phán trong quá trình tiếp nhận, thụ lý, nghiên cứu thông tin, tài liệu có liên quan và xem xét chứng cứ, giải quyết vụ án tại phiên tòa sơ thẩm.

2.3.2. Nguyên nhân chủ quan

Thứ nhất, nguyên nhân liên quan tới hạn chế trong tổ chức phiên tòa và chất lượng tranh tụng tại phiên tòa. Đổi mới công tác tổ chức và hoạt động tranh tụng tại phiên tòa là một trong những yêu cầu cấp thiết, quan trọng trong tiến trình cải cách Tư pháp. Trình tự thủ tục giải quyết các vụ án hiện nay đã quy định đầy đủ và cụ thể hơn, đây là những cơ sở pháp lý để nâng cao chất lượng tranh tụng tại các phiên tòa trong thời gian qua. Tuy nhiên công tác tổ chức phiên tòa trong thời gian qua chưa thực sự đi vào chiều sâu, chất lượng tranh tụng tại phiên tòa chưa cao. Bên cạnh những nguyên nhân như: Văn bản áp dụng luật đã được sửa đổi, bổ sung kịp thời song vẫn chưa đáp ứng yêu cầu của tiến trình cải cách; hệ thống văn bản hướng dẫn thực hiện còn thiếu, chưa kịp thời... thì vấn đề quan trọng nhất đặt ra đó là công tác tổ chức cán bộ. Nếu làm tốt công tác này, tất yếu chất lượng tổ chức phiên tòa và tranh tụng tại phiên tòa sẽ đi vào chiều sâu và đạt hiệu quả cao. Theo đánh giá, hiện tại số lượng các thẩm phán của Tòa án nhân dân trên địa bàn Tỉnh Bình Thuận cũng như các thẩm phán có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm vẫn chưa thực sự đáp ứng nhu cầu thực tiễn đòi hỏi, điều này đã gây không ít khó khăn trong việc trao đổi, bàn bạc, thống nhất, giải quyết các vụ án.

Thứ hai, nguyên nhân liên quan tới việc Tòa án cấp phúc thẩm hủy, sửa bản án, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm. Tất cả các vụ án nếu đưa ra xét xử thì đều phải tiến hành qua cấp sơ thẩm. Đây là cấp xét xử không thể thiếu và có ý nghĩa quan trọng trong quá trình giải quyết vụ án. Thực tiễn cho thấy, nếu cấp sơ thẩm xét xử chính xác, nghiêm túc thì bản án sẽ ít bị kháng cáo hoặc kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm, từ đó vụ án sẽ không bị kéo dài. Hoặc nếu bản án bị kháng cáo hoặc kháng nghị để xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm thì cũng không mất nhiều công sức, thời gian và

tiền của của Nhà nước cũng như của những người tham gia tố tụng. Mặc dù chất lượng xét xử của cấp sơ thẩm hiện nay đã được nâng lên rất nhiều xong vẫn chưa đáp ứng yêu cầu, tình trạng án sơ thẩm bị sửa, hủy đang có xu hướng tăng. Nguyên nhân của tình trạng này là do: Các vụ án ngày càng có chiều hướng gia tăng và phức tạp; trình độ, năng lực, phẩm chất của người xét xử còn hạn chế; hệ thống pháp luật tố tụng còn nhiều bất cập, chưa điều chỉnh kịp thời... Chính vì vậy, để nâng cao chất lượng giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại tại Tòa án nhân dân Tỉnh Bình Thuận cần có phương hướng, lộ trình đúng đắn và kịp thời.

Thứ ba, là ý thức chấp hành pháp luật, trình độ hiểu biết của một số nguyên đơn trong vụ án quyết tranh chấp hợp đồng thương mại chưa cao. Trong quá trình giải quyết cố ý không chấp hành đầy đủ quy định pháp luật, yêu cầu cung cấp chứng cứ, luôn bảo thủ vì muốn dành phần thắng, cá biệt còn có những trường hợp có ý gây khó khăn, sử dụng (lý ông mèo) hoặc nhất quyết theo ý hiểu hay phong tục tập quán dân tộc mình.

Thứ tư, sau khi giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại một số Bản án, Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật chưa được thi hành một cách nghiêm túc, đúng pháp luật để đảm bảo thực hiện các quyền và nghĩa vụ của các bên giải quyết tranh chấp là do còn có những tiêu cực nhất định trong tổ chức thi hành, quy định trình tự thủ tục còn rườm rà, phức tạp. Bên cạnh đó là ý thức tự giác thi hành của bên thua kiện không cao, còn có hiện tượng lẩn tránh trách nhiệm...

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Thông qua việc khai thác, phân tích số liệu giải quyết các vụ án tranh chấp hợp đồng thương mại trong giai đoạn từ năm 2020 đến 6 tháng đầu năm 2024 của Tòa án nhân dân cấp sơ thẩm của tỉnh Bình Thuận, đề án hướng tới làm rõ các nội dung:

Một là, đánh giá thực tiễn việc áp dụng các quy định của pháp luật về thẩm quyền, trình tự thủ tục giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại không chỉ nhằm đánh giá mức độ hiệu quả của Tòa án nhân dân trong việc xét xử các vụ án kinh doanh thương mại mà còn để đánh giá rõ thêm về việc thực hiện chủ trương của Đảng, Nhà nước ta trong việc phát huy hơn nữa vai trò, vị trí của Tòa án nhân dân để thực hiện chức năng, nhiệm vụ là cơ quan xét xử của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền tư pháp. Cũng như, qua thực tiễn hoạt động xét xử cũng thể hiện rõ chủ trương chung trong giải quyết các tranh chấp hợp đồng thương mại là ưu tiên đề các đương sự tự do thoả thuận, thương lượng, hoà giải trong giải quyết tranh chấp, phù hợp với nguyên tắc trong kinh doanh thương mại theo pháp luật hiện hành là phát huy tinh thần thiện chí, tự do, tự nguyện giao kết và thực hiện hợp đồng thương mại phù hợp với quy định của pháp luật thương mại của nước ta.

Hai là, qua việc phân tích những bất cập, tồn tại, hạn chế từ thực tiễn các vụ án giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại qua hoạt động xét xử sơ thẩm tại Bình Thuận để mở rộng liên hệ với thực trạng áp dụng các quy định của Luật thương mại, Bộ luật Dân sự, Bộ luật Tố tụng dân sự trong phạm vi cả nước. Từ đó, làm rõ những nguyên nhân mang tính khách quan, chủ quan liên quan mang tính trọng tâm, có ảnh hưởng lớn đến hoạt động giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại để làm cơ sở đề xuất những giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại trong thời gian tới.

CHƯƠNG 3: QUAN ĐIỂM VỀ HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG THƯƠNG MẠI TẠI TÒA ÁN

3.1. Quan điểm về hoàn thiện pháp luật giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại tại Tòa án

3.1.1. Quán triệt sâu sắc quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng

Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về việc tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới (sau đây gọi là Nghị quyết số 27-NQ/TW) và các nghị quyết, văn kiện của Đảng⁽³⁹⁾ đã đề ra nhiều nhiệm vụ⁽⁴⁰⁾, giải pháp về cải cách tư pháp, cần phải thể chế hóa để đổi mới tổ chức và hoạt động của Tòa án.

Văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng ta đã xác định Chiến lược cải cách tư pháp thời gian tới như sau: “Tiếp tục xây dựng nền tư pháp Việt Nam chuyên nghiệp, hiện đại, công bằng, nghiêm minh, liêm chính, phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân. Hoạt động tư pháp phải có trọng trách bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của tổ chức, cá nhân. Xây dựng và thực hiện Chiến lược cải cách tư pháp giai đoạn mới theo hướng tiếp tục hoàn thiện tổ chức, nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động và uy tín của Tòa án nhân dân, cơ quan thực hiện quyền tư pháp và các cơ quan, tổ chức tham gia vào quá trình tố tụng tư pháp. Xây dựng các thiết chế tư pháp hiện đại, trong sạch, hiệu lực, hiệu quả, dân chủ,

⁽³⁹⁾ Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới; Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020; Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020; Kết luận số 84-KL/TW ngày 29/7/2020 về tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa IX về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020.

⁽⁴⁰⁾ Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã đề ra nhiệm vụ trọng tâm là “Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong sạch, vững mạnh; cải cách tư pháp, tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội...”

ng nghiêm minh, tăng cường tính thống nhất, đồng bộ, khả thi, ổn định. Tăng cường năng lực tiếp cận pháp luật, tiếp cận công lý của người dân và doanh nghiệp. Phát triển mạnh thị trường dịch vụ pháp lý, các hoạt động luật sư, tư vấn pháp luật, hỗ trợ tư pháp và các thiết chế giải quyết tranh chấp ngoài tòa án. Nâng cao hiệu quả và bảo đảm thời gian giải quyết tranh chấp, thi hành án trong lĩnh vực dân sự, hành chính, đầu tư, kinh doanh, thương mại và bảo vệ người tiêu dùng theo đúng quy định của pháp luật. Tăng cường công tác tiếp công dân, giải quyết đơn thi khiếu nại, tố cáo của công dân”.

Theo đó, Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng về chiến lược cải cách tư pháp với 06 quan điểm chỉ đạo về cải cách tư pháp trong thời gian tới như sau:

Một là, tiếp tục xây dựng nền tư pháp Việt Nam chuyên nghiệp, hiện đại, công bằng, nghiêm minh, liêm chính, phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân. Nội dung quan điểm này thể hiện rõ thời gian tới cần tiếp tục chỉ đạo các cơ quan chức năng thực hiện tốt Kết luận số 84-KL/TW, ngày 29/7/2020 của Bộ Chính trị về tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị khoá IX về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020; nghiên cứu, trình Ban Chấp hành Trung ương Khoá XIII xem xét, ban hành Nghị quyết về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2030, định hướng đến năm 2045.

Hai là, hoạt động tư pháp phải có trọng trách bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của tổ chức, cá nhân. Đây cũng là sự tiếp tục phát triển yêu cầu mà Chiến lược cải cách tư pháp đặt ra. Các cơ quan tư pháp phải thật sự là chỗ dựa của nhân dân trong việc bảo vệ công lý, quyền con người. Đặc biệt cần tiếp tục sửa đổi, bổ sung hệ thống pháp luật về hình sự, dân sự, tố tụng tư pháp phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng và quy định của Hiến pháp năm 2013 về bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân. Trên cơ sở nguyên tắc tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân và quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan

nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp.

Ba là, Đảng ta khẳng định “Xây dựng và thực hiện Chiến lược cải cách tư pháp giai đoạn mới theo hướng tiếp tục hoàn thiện tổ chức, nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động và uy tín của Tòa án nhân dân, cơ quan thực hiện quyền tư pháp và các cơ quan, tổ chức tham gia vào quá trình tố tụng tư pháp”. Tòa án nhân dân là thiết chế thực hành quyền tư pháp mà không phải thiết chế nào khác, dù có tham gia vào quỹ đạo, phạm vi của quyền tư pháp và được gọi dưới tên chung là “các cơ quan tư pháp”. Từng bước hoàn thiện và luật định các tiêu chuẩn, cơ chế lựa chọn, bổ nhiệm và điều động Thẩm phán, Kiểm sát viên, Điều tra viên; chế độ lương, chế độ quản lý nhằm đảm bảo sự độc lập của Thẩm phán. Cần đưa quan điểm tăng cường quyền tư pháp, quan điểm độc lập tư pháp, tăng cường vị thế của Thẩm phán trong nội dung văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng. Cùng với đó, cần tăng cường mọi nguồn lực cho cải cách tư pháp, đặc biệt nguồn nhân lực, nguồn lực tài chính; đẩy mạnh phát triển nhân lực tư pháp đảm bảo đủ khả năng, năng lực để tiếp tục đẩy mạnh cải cách tư pháp.

Bốn là, xây dựng các thiết chế tư pháp hiện đại, trong sạch, hiệu lực, hiệu quả, dân chủ, nghiêm minh, tăng cường tính thống nhất, đồng bộ, khả thi, ổn định. Trong đó chú trọng điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của các cơ quan, tổ chức được giao thực hiện các hoạt động tư pháp, hỗ trợ tư pháp theo hướng phân định rõ hơn thẩm quyền quản lý hành chính với trách nhiệm, quyền hạn tư pháp; tăng quyền hạn, trách nhiệm và đề cao tính độc lập, chịu trách nhiệm trước pháp luật của các chức danh tư pháp. Đồng thời cần thường xuyên quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ có chức danh tư pháp, hỗ trợ tư pháp trong sạch, vững mạnh.

Năm là, tăng cường năng lực tiếp cận pháp luật, tiếp cận công lý của người dân và doanh nghiệp. Cần thiết phải đổi mới tổ chức, hoạt động của các tổ chức hành nghề luật sư, công chứng, phù hợp với chủ trương xã hội hóa theo đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước. Theo đó, cần chú trọng phát triển mạnh thị trường dịch vụ pháp lý, các hoạt động luật sư, tư vấn pháp luật, hỗ trợ tư pháp và các thiết chế giải quyết tranh chấp ngoài tòa án. Nâng cao hiệu quả và bảo đảm thời

gian giải quyết tranh chấp, thi hành án trong lĩnh vực dân sự, hành chính, đầu tư, kinh doanh, thương mại và bảo vệ người tiêu dùng theo đúng quy định của pháp luật. Tăng cường công tác tiếp công dân, giải quyết đơn thi khiếu nại, tố cáo của công dân.

Sáu là, xây dựng cơ chế kiểm soát của quyền tư pháp đối với quyền lập pháp, đối với quyền hành pháp. Sự kiểm soát của quyền tư pháp đối với quyền lập pháp được thể hiện tập trung ở vai trò, chức năng, nhiệm vụ của Tòa án Hiến pháp, tức là chức năng giám sát, bảo vệ Hiến pháp. Tòa án Hiến pháp có quyền năng kiểm tra tính hợp hiến của các đạo luật đã được ban hành, có quyền coi một đạo luật nào đó do Quốc hội ban hành là vi hiến. Cơ chế chung bảo vệ Hiến pháp ở nước ta được ghi nhận Điều 119 Hiến pháp Việt Nam năm 2013. Theo đó, Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, các cơ quan khác của Nhà nước và toàn thể Nhân dân có trách nhiệm bảo vệ Hiến pháp. Cơ chế bảo vệ Hiến pháp do luật quy định.

Trên cơ sở 6 quan điểm chỉ đạo trên của Đại hội toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và nghiên cứu những vấn đề lý luận, thực tiễn về quyền tư pháp và thực hiện quyền tư pháp, xu hướng vận động của quyền tư pháp và thực hiện chiến lược cải cách tư pháp, tôi thiết nghĩ văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng ta đã tiếp thu những tư tưởng tiên bộ của các nhà pháp luật thế giới, trên cơ sở nền tảng Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và xuất phát từ thực tiễn nền tư pháp nước ta thời gian quan để đề ra Chiến lược cải cách tư pháp mới giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2045. Văn kiện đã đánh giá đúng trạng thái hiện thực, những hạn chế, thiếu sót của quyền tư pháp, thực hiện quyền tư pháp hiện nay và xu hướng vận động của quyền tư pháp, thực hiện quyền tư pháp ở nước ta trong thời gian tới, xác định rõ hệ mục tiêu, quan điểm, các định hướng, các hình thức, các giải pháp, các nguồn lực và lộ trình thực hiện cải cách tư pháp trên cơ sở đổi mới mạnh mẽ tư duy chính trị - pháp lý về quyền tư pháp và thực hiện quyền tư pháp.

3.1.2. Quan điểm cụ thể về hoàn thiện pháp luật

Nghị quyết số 27-NQ/TW đã đề ra các giải pháp “Hoàn thiện chính sách, pháp luật liên quan đến tư pháp, bảo đảm tôn trọng và bảo vệ quyền con người, quyền công

dân. Hoàn thiện cơ chế phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý mọi hành vi can thiệp trái pháp luật vào hoạt động tư pháp; bảo đảm tính độc lập của tòa án theo thẩm quyền xét xử, thẩm phán, hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật”; “Đổi mới và nâng cao hiệu quả cơ chế Nhân dân tham gia xét xử tại tòa án.”; “Hoàn thiện cơ chế khắc phục tình trạng quan hệ giữa các cấp tòa án là quan hệ hành chính, bảo đảm độc lập giữa các cấp xét xử và độc lập của thẩm phán, hội thẩm khi xét xử. Phân định rõ nhiệm vụ xét xử sơ thẩm, xét xử phúc thẩm, xét lại bản án, quyết định theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm; xây dựng tòa án điện tử”; “Xác định thẩm quyền của tòa án để thực hiện đầy đủ, đúng đắn quyền tư pháp; mở rộng thẩm quyền của tòa án trong xét xử các vi phạm hành chính, quyết định một số vấn đề liên quan đến quyền con người, quyền công dân. Nghiên cứu làm rõ thẩm quyền hội đồng xét xử khởi tố vụ án tại phiên tòa, những trường hợp tòa án thu thập chứng cứ trong hoạt động xét xử”; “Quy định rõ hơn thẩm quyền, trách nhiệm của cơ quan hành pháp trong kiểm soát các cơ quan thực hiện quyền lập pháp, quyền tư pháp; của cơ quan tư pháp trong kiểm soát các cơ quan thực hiện quyền hành pháp, quyền lập pháp”; “Xác định rõ hệ tiêu chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ, bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp, kiến thức pháp luật, kinh tế, xã hội và kinh nghiệm thực tiễn đối với từng chức danh, nhân lực tư pháp.”; “Đổi mới chính sách, chế độ tiền lương, thời hạn bổ nhiệm và cơ chế bảo đảm để đội ngũ cán bộ tư pháp yên tâm công tác, liêm chính, công tâm, chuyên nghiệp, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới, nhất là đối với đội ngũ thẩm phán”.

Việc xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật nói chung, pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại nói riêng phải quán triệt các quan điểm chỉ đạo sau đây:

Một là, thể chế hoá đầy đủ, đúng đắn, toàn diện các chủ trương, đường lối, chính sách trong các nghị quyết, văn kiện của Đảng về cải cách tư pháp, về Tòa án, đặc biệt là Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và Nghị quyết số 27-NQ/TW.

Hai là, bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống

pháp luật; bảo đảm nguyên tắc pháp quyền xã hội chủ nghĩa; cụ thể hóa quy định của Hiến pháp “*Tòa án nhân dân là cơ quan xét xử của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền tư pháp*”.

Ba là, đổi mới tổ chức và hoạt động của Tòa án phải phù hợp với tình hình chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của đất nước; phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, các nguyên tắc cơ bản về tổ chức, hoạt động của Tòa án nhằm bảo đảm các Tòa án được tổ chức và hoạt động độc lập theo thẩm quyền xét xử; Thẩm phán, Hội thẩm xét xử độc lập chỉ tuân theo pháp luật.

Bốn là, tổng kết lý luận và thực tiễn về tổ chức và hoạt động của Tòa án. Kế thừa những quy định phù hợp, sửa đổi những quy định không còn phù hợp; bổ sung những vấn đề mới nhằm khắc phục những vướng mắc, bất cập trong thực tiễn; đồng thời, tham khảo có chọn lọc kinh nghiệm quốc tế phù hợp với điều kiện Việt Nam.

Năm là, bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, sự giám sát của cơ quan dân cử và nhân dân đối với tổ chức và hoạt động của Tòa án.

3.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại tại Tòa án cấp sơ thẩm

3.2.1. Giải pháp về hoàn thiện quy định pháp luật có liên quan thẩm quyền, trình tự thủ tục giải quyết tranh chấp

Xu hướng đổi mới và hội nhập kinh tế toàn cầu đang ảnh hưởng mạnh mẽ đến quan điểm và cơ chế giải quyết tranh chấp. Yêu cầu thống nhất và phù hợp hệ thống pháp luật là điều tất yếu. Trong bối cảnh hiện nay, các tranh chấp kinh tế, thương mại ngày càng đa dạng và phức tạp, đòi hỏi hệ thống pháp luật phải liên tục được cập nhật và hoàn thiện để phù hợp với thực tiễn và thông lệ quốc tế. Việc giải quyết nhanh chóng, hiệu quả các tranh chấp này là cần thiết để thúc đẩy hoạt động kinh tế, thương mại, tạo môi trường thuận lợi cho các doanh nghiệp. Thực tiễn là cơ sở của mọi lý luận, và việc hoàn thiện pháp luật tổ tụng về giải quyết tranh chấp kinh tế, thương mại cần được tiếp tục. Qua thực tiễn tại Tòa án nhân dân Tỉnh Bình Thuận, xin có một số kiến nghị hoàn thiện các quy định pháp luật:

Thứ nhất, để giải quyết các tranh chấp phát sinh trong quá trình giao kết, thực

hiện, kết thúc hợp đồng thương mại, Tòa án phải dựa vào các quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành như Luật Thương mại 2005, Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Bộ luật Dân sự năm 2015, Luật Doanh nghiệp 2020 (sửa đổi bổ sung năm 2022)... Do đó, để nâng cao hiệu lực, hiệu quả giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại thì phải tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan nhằm đảm bảo sự thống nhất trong nhận thức của các bên tranh chấp và cả cơ quan tư pháp trong việc xác định thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án và việc làm rõ các căn cứ để áp dụng các quy định hiện hành tại Luật Thương mại, Bộ luật Dân sự hay các luật chuyên ngành đối với các vấn đề chưa đồng bộ giữa các văn bản luật, chẳng hạn như việc áp dụng quy định pháp luật về tính lãi suất chậm thanh toán giữa Luật Thương mại 2005 và Bộ luật Dân sự năm 2015. Bên cạnh đó, cần tiếp tục hoàn thiện các quy định mới về giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại, từ các quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành như Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Luật Thương mại, Luật Doanh nghiệp 2014, Nghị quyết số 02/2016/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao có thể thấy rằng những văn bản này không quy định thế nào là tranh chấp kinh tế, thương mại mà chỉ liệt kê một số trường hợp (được liệt kê tại Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015) mà không quy định hết các trường hợp mà Tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp kinh tế, thương mại. Theo đó, cần phải có một khái niệm chính xác nhất về tranh chấp và giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại. Có như vậy thì khi xác định loại hình tranh chấp mới dễ dàng và bao trùm được toàn bộ nội hàm của tranh chấp, giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại. Thêm vào đó, đối với hợp đồng giao kết giữa một bên có đăng ký kinh doanh và nhằm mục đích lợi nhuận còn bên kia thì không, hoặc là các bên không đăng ký kinh doanh và không nhằm mục đích sinh lợi nhưng khi giao kết Hợp đồng thì các bên căn cứ vào Luật Thương mại để thỏa thuận, như vậy, khi xảy ra tranh chấp, việc xác định loại tranh chấp thuộc lĩnh vực dân sự hay kinh tế, thương mại đối với Thẩm phán là tương đối khó khăn, vì vậy, cần sửa đổi Luật Thương mại và các luật chuyên ngành khác để làm tiền đề xác định cơ sở pháp luật phải áp dụng để giải quyết các tranh chấp nêu trên.

Thứ hai, việc giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại bằng Tòa án phải

tuân theo một trình tự, thủ tục tố tụng nghiêm ngặt theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nên các bên giải quyết tranh chấp có thể cảm thấy gò bó hơn so với việc giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài thương mại. Vì vậy, cần quan tâm đổi mới cơ chế giải quyết tranh chấp thương mại tại Tòa án nhân dân cấp sơ thẩm theo hướng vừa đảm bảo tuân thủ trình tự thủ tục, đồng tạo điều kiện tổ chức phiên Tòa theo hướng thân thiện và điều hành phần tranh tụng một cách thoải mái nhất cho các bên đang tranh chấp, nhằm hạn chế sự căng thẳng, xung đột giữa các bên; đồng thời, nếu các bên tranh chấp yêu cầu và Tòa án xét thấy hợp lý, đúng pháp luật thì Tòa án có thể hạn chế số người tham dự phiên Tòa, nhất là các đối tượng có cùng ngành nghề hoạt động thương mại nhằm đảm bảo bí mật nghề nghiệp, bí mật kinh doanh.

Việc cung cấp chứng cứ của đương sự trong quá trình giải quyết án kinh tế, thương mại còn chưa đầy đủ, các đương sự ở xa, nhiều khi triệu tập cố tình không đến dẫn đến giải quyết gặp khó khăn; không thực hiện đầy đủ các thủ tục do pháp luật quy định về nghĩa vụ tự chứng minh nhưng chưa có quy định cụ thể về chế tài xử lý các trường hợp này. Vì vậy cần có quy định biện pháp, mức độ xử lý để hạn chế thấp nhất các vi phạm trên. Bên cạnh đó, đối với thời hạn tố tụng, cần phải sửa đổi bổ sung sao cho kéo dài thời hạn chuẩn bị xét xử hơn nữa. Theo quy định của pháp luật hiện hành, thời hạn chuẩn bị xét xử tối đa là 03 tháng kể từ ngày thụ lý vụ án, thiết nghĩ cần phải kéo dài thời hạn này hơn nữa, và kéo dài thêm 01 tháng với tổng số là 04 tháng. Tiếp tục hoàn thiện công tác thi hành bản án, quyết định của Tòa án Sau khi giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại. Bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cần phải được thi hành một cách nghiêm túc, đúng pháp luật để đảm bảo thực hiện các quyền và nghĩa vụ của các bên giải quyết tranh chấp. Vì vậy, cần phải hoàn thiện công tác tổ chức của cơ quan thi hành án để bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật trong việc giải quyết tranh chấp thương mại được thi hành một cách đầy đủ, nhanh chóng, nghiêm minh và đúng pháp luật.

Thứ ba, cần hoàn thiện các quy định về hòa giải trong giải quyết vụ án; thúc đẩy giải quyết các vụ án đơn giản theo thủ tục rút gọn. Theo đó, quy định về hòa giải tại cơ sở theo Luật hòa giải tại cơ sở năm 2013 cần cụ thể, rõ ràng hơn và không

chồng chéo với Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án năm 2020. Tăng cường đào tạo kỹ năng nghiệp vụ, trong đó có các phương thức hòa giải cho đội ngũ tham gia hòa giải tại cơ sở; đầu tư cơ sở vật chất cho tổ chức hòa giải tại cơ sở; có cơ chế công nhận giá trị pháp lý của kết quả hòa giải thành; thúc đẩy cơ chế hòa giải tại Ủy ban nhân dân cấp cơ sở. Đặc biệt, các Tòa án cần hoàn thiện Trung tâm hòa giải đối thoại tại Tòa án, xây dựng đội ngũ Hòa giải viên chuyên trách tại Tòa án để hòa giải các tranh chấp này; quy định rõ ràng về giá trị pháp lý của kết quả hòa giải nhằm đáp ứng yêu cầu dân chủ, giảm kiện và hiệu quả trong giải quyết vụ việc dân sự.

Thứ tư, hoàn thiện hệ thống pháp luật tố tụng dân sự bảo đảm các quyền nội dung và quyền thủ tục của tổ chức, cá nhân, cơ quan tham gia vào quan hệ pháp luật trong quá trình thụ lý, giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại tại Tòa án. Theo đó, cần quy định cụ thể rõ ràng về quyền khởi kiện và thụ lý vụ án tranh chấp hợp đồng thương mại; hoàn thiện cơ chế giám sát việc tiếp nhận đơn, yêu cầu sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện, thụ lý đơn khởi kiện; việc trả lời người khởi kiện khi đã nhận được đơn gửi qua đường bưu điện bằng văn bản; yêu cầu chỉnh sửa đơn phải bằng văn bản theo đúng quy định pháp luật; thực hiện đúng thời hạn khởi kiện, thụ lý vụ án nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân thực hiện khởi kiện. Thu hẹp các trường hợp được tạm đình chỉ giải quyết vụ án, tránh việc lợi dụng quy định này để kéo dài thời hạn chuẩn bị xét xử các vụ án tranh chấp hợp đồng thương mại.

Thứ năm, hoàn thiện các quy định về tổ chức và hoạt động của Tòa án nhân dân các cấp theo chương trình xây dựng pháp luật mà Quốc hội khoá XIV đã đề ra, đảm bảo tính độc lập giữa Thẩm phán với Chánh án, Phó Chánh án; giữa Thẩm phán với Hội thẩm; giữa Thẩm phán với người đứng đầu cấp ủy. Theo đó:

Đề xuất điều chỉnh quy định về phân công Thẩm phán giải quyết bằng quyết định hành chính trực tiếp của người đứng đầu Tòa án mà nên chuyển sang cơ chế lựa chọn Thẩm phán theo hướng ngẫu nhiên. Hơn nữa, cần phân biệt rõ các quy định mang tính hành chính tư pháp (như nhận đơn, thông báo chỉnh sửa, bổ sung đơn, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản...) với các quy định mang tính tư pháp xét xử (như quy

định về thương lượng, hòa giải, đưa vụ án ra xét xử). Những công việc mang tính hành chính tư pháp thì không nhất thiết phải có sự tham gia của Thẩm phán. Bên cạnh đó, cần sửa quy định về lựa chọn, công khai Thẩm phán giải quyết vụ án ở thời điểm muộn hơn hiện nay, ví dụ thời điểm hòa giải hoặc thời điểm quyết định đưa vụ án ra xét xử...

Hoàn thiện cơ chế nhằm tăng cường sự độc lập trong hoạt động tư pháp giữa Chánh án, Thẩm phán phụ trách giải quyết vụ án với người đứng đầu cấp ủy, người đứng đầu Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp tỉnh nơi có Tòa án những vẫn đảm bảo phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động tư pháp trong tình hình mới. Bên cạnh đó, nghiên cứu xây dựng quy định bổ nhiệm Thẩm phán suốt đời hoặc bổ nhiệm Thẩm phán theo nhiệm kỳ dài hơn quy định hiện nay.

Tiếp tục bổ sung, hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa Thẩm phán phụ trách giải quyết vụ án với Hội thẩm nhân dân nhằm góp phần nâng cao chất lượng giải quyết vụ án và vẫn đảm bảo tôn trọng và phát huy vai trò độc lập của Thẩm phán. Cần quy định về quyền tiếp cận hồ sơ vụ án của Hội thẩm nhân dân như Thẩm phán để nâng cao hiểu biết pháp luật và kỹ năng, nghiệp vụ xét xử của Hội thẩm nhân dân. Bên cạnh đó, để nâng cao vai trò của Hội thẩm nhân dân trong quá trình giải quyết vụ án tranh chấp hợp đồng thương mại tại Tòa án cấp sơ thẩm, pháp luật cũng cần quy định sự tham gia của Hội thẩm nhân dân trong giải quyết vụ án vào giai đoạn sớm hơn, được cung cấp bộ hồ sơ đầy đủ riêng để nghiên cứu, được tham gia hỏi nhiều và thực chất hơn...

Thứ sáu, tiếp tục phát huy vai trò của Kiểm sát viên trong kiểm sát hoạt động xét xử của Tòa án. Tiếp tục hoàn chỉnh quy định cụ thể Kiểm sát viên phải kiểm sát hoạt động xét xử từ khi có đơn khởi kiện để đảm bảo giám sát việc giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật ngay từ đầu những cũng cần đảm bảo tính độc lập của Kiểm sát viên với Hội đồng xét xử và các chủ thể có liên quan khác.

Thứ bảy, tăng cường phát huy được vai trò của Luật sư gắn với tiếp hoàn thiện mô hình tranh tụng trong quá trình giải quyết vụ án tranh chấp hợp đồng thương mại tại Tòa án, đảm bảo thực hiện thống nhất chủ trương hoàn thiện pháp luật, phát huy

vai trò của Luật sư theo tinh thần của Nghị quyết số 27-NQ/TW, ngày 09/11/2022. Hoàn thiện quy định pháp luật theo hướng tổ chức hành nghề luật sư không chỉ là tổ chức “bổ trợ tư pháp” và Luật sư tham gia giải quyết vụ án tranh chấp hợp đồng thương mại tại Tòa án không chỉ có quyền gần như đương sự hiện nay mà cần sửa đổi quy định hướng tới thừa nhận Luật sư như một chức danh tư pháp, có các quyền và trách nhiệm như một người tiến hành tố tụng, có thể được giao quyền tiến hành và tham gia tiến hành một số hoạt động tố tụng, cụ thể như: đề nghị trưng cầu giám định và sử dụng kết quả giám định do Luật sư trưng cầu để làm căn cứ giải quyết vụ án; đề nghị được làm việc và lập biên bản làm việc với các bên đương sự, người làm chứng theo trình tự tố tụng cụ thể...

3.2.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả, hạn chế sai sót, tồn tại trong giải quyết tranh chấp

Qua thực tiễn giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại tại Tòa án nhân dân cấp sơ thẩm tỉnh Bình Thuận không tránh khỏi những tồn tại, xuất phát từ việc làm rõ các nguyên nhân cơ bản đã được nêu trong chương 2, đề án đề xuất cần có những giải pháp nhằm khắc phục tồn tại và hướng tới thực hiện tốt giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận đó là:

Thứ nhất, tăng cường công tác giải thích và hướng dẫn áp dụng pháp luật. Trên cơ sở tính chất của chủ thể tiến hành giải thích, giải thích pháp luật được phân loại thành giải thích của cơ quan lập pháp (Quốc hội); giải thích của cơ quan hành pháp (Chính phủ); giải thích của cơ quan tư pháp (Tòa án) và giải thích của cơ quan, tổ chức, cá nhân khác như: giải thích của các Luật sư, Thẩm phán, Nhà khoa học.... Giải thích pháp luật với nhiệm vụ làm sáng tỏ hơn các quy phạm pháp luật, kết quả của việc giải thích pháp luật có giá trị như pháp luật, nên nó rất cần thiết và có vai trò vô cùng quan trọng trong nhận thức - thực thi - áp dụng pháp luật. Có thể khẳng định rằng, giải thích pháp luật là một nhu cầu tất yếu khách quan đối với mọi xã hội và mọi hệ thống pháp luật. Bởi lẽ, về lý thuyết, nhu cầu này chỉ không phát sinh khi và chỉ khi có một hệ thống pháp luật hoàn thiện tuyệt đối và nhận thức pháp luật của người dân ở trình độ cao. Tuy nhiên, pháp luật là một yếu tố của kiến trúc thượng

tầng, nó được xây dựng trên nền tảng là cơ sở hạ tầng và để điều chỉnh các mối quan hệ xã hội phát sinh trong đời sống thực tế. Trên cơ sở lý luận, thực tiễn của việc giải thích pháp luật và định hướng, quan điểm hoàn thiện nêu trên, việc giải thích pháp luật cần có sự phân định về thẩm quyền giữa các chủ thể trong việc giải thích pháp luật theo hướng trao một phần thẩm quyền giải thích pháp luật cho hệ thống Tòa án. Bởi vì, tư pháp (theo nghĩa hẹp là hệ thống Tòa án) là việc xét xử các hành vi vi phạm pháp luật và các vụ kiện tụng trong nhân dân. Tòa án là các cơ quan xét xử có nhiệm vụ bảo vệ pháp chế Xã hội chủ nghĩa; bảo vệ chế độ Xã hội chủ nghĩa và quyền làm chủ của nhân dân; bảo vệ tài sản của Nhà nước, của tập thể; bảo vệ tính mạng, tài sản, tự do, danh dự và nhân phẩm của công dân. Mục đích cơ bản của cơ quan tư pháp là bảo đảm quyền và nghĩa vụ của các bên (cả Nhà nước và công dân). Nguyên tắc hoạt động là khách quan và khi xét xử, Thẩm phán và Hội thẩm độc lập và chỉ tuân theo pháp luật. Do vậy, nếu Tòa án giải thích pháp luật sẽ bảo đảm tính khách quan hơn. Thêm vào đó, thực tế cho thấy, đa số các nhu cầu giải thích đều phát sinh và gắn liền hữu cơ với một vụ việc cụ thể. Nói cách khác, đa số giải thích pháp luật đều là giải thích vụ việc và gắn với việc giải quyết một tranh chấp nhất định và theo phân công quyền lực Nhà nước thì chính Tòa án là cơ quan có thẩm quyền giải quyết các tranh chấp này.

Về phạm vi thẩm quyền của Tòa án và hình thức, giá trị pháp lý của nội dung giải thích: tất nhiên, khi chúng ta đã trao thẩm quyền giải thích pháp luật cho Tòa án tức là đồng nghĩa với việc chúng ta phải công nhận hình thức giải thích chính thức mang tính vụ việc bên cạnh hình thức giải thích chính thức mang tính quy phạm hiện nay của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội. Đây cũng chính là một trong các căn cứ để xác định phạm vi thẩm quyền giải thích của Tòa án và hình thức, giá trị pháp lý của nội dung giải thích. Tức là, trong quá trình Tòa án giải quyết một vụ việc cụ thể thuộc thẩm quyền mà phát sinh nhu cầu giải thích pháp luật để áp dụng thì Thẩm phán được giao xét xử vụ việc đó giải thích. Các nội dung giải thích phải được ghi trong các văn bản có liên quan, đặc biệt nội dung giải thích chính thức phải được thể hiện trong bản án, quyết định giải quyết vụ việc đó. Giá trị pháp lý của nội dung giải thích chính là

giá trị pháp lý của quyết định, bản án được tuyên⁽⁴¹⁾.

Nhìn chung, ở các quốc gia trên thế giới theo truyền thống thông luật hay truyền thống luật dân sự, việc giải thích pháp luật đều được trao cho Tòa án. Thông thường, các Thẩm phán giải thích pháp luật thông qua những vụ việc cụ thể được giải quyết tại Tòa án. Giải thích pháp luật là nghĩa vụ, là một phần công việc hàng ngày của Thẩm phán ở các quốc gia này. Việt Nam là một quốc gia theo truyền thống pháp luật xã hội chủ nghĩa, Tòa án không được trao cho quyền giải thích pháp luật. Do đó, quyền này được trao UBTVQH (tại khoản 2 Điều 74 Hiến pháp). TAND tối cao chỉ có quyền đề nghị UBTVQH giải thích Hiến pháp, luật, pháp lệnh (tại khoản 1 Điều 159 Luật Ban hành các văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2020). Tuy nhiên, như đã nói ở trên, do ngôn từ của các quy định của pháp luật là quá chung chung, nên Thẩm phán không thể không giải thích pháp luật khi áp dụng vào các vụ việc cụ thể. Và với quy định của Luật tổ chức Tòa án nhân dân về việc áp dụng án lệ tại Tòa án, thì Thẩm phán cần phải diễn giải pháp luật khi xét xử các vụ án. Như vậy, cũng như Thẩm phán của các quốc gia trên thế giới, Thẩm phán Việt Nam có nghĩa vụ phải giải thích pháp luật trong hoạt động xét xử của mình.

Cần phải nói thêm rằng, việc giải thích pháp luật của Thẩm phán (Tòa án) hoàn toàn khác về tính chất với giải thích pháp luật của UBTVQH. Nếu giải thích pháp luật của UBTVQH là có tính bắt buộc chung thì giải thích pháp luật của Thẩm phán (Tòa án) chỉ có hiệu lực đối với vụ án cụ thể mà Thẩm phán xét xử và chỉ được áp dụng cho những vụ án tương tự xảy ra trong tương lai nếu đó là án lệ.

Nhưng trong thời gian tới, Quốc hội phải là chủ thể đảm nhận thẩm quyền này thay vì ủy quyền cho UBTVQH. Quốc hội phải bằng việc ban hành nghị quyết để giải thích các quy định của luật trên cơ sở đề nghị giải thích luật của các chủ thể đã được quy định. Phạm vi giải thích pháp luật của Quốc hội còn lại chủ yếu là liên quan đến các luật về tổ chức bộ máy các cơ quan Nhà nước và các quy định về thẩm quyền của các cơ quan Nhà nước (các quy phạm pháp luật thuộc luật công). Tuy nhiên, cũng

⁽⁴¹⁾ Trương Hòa Bình, “Tiếp tục hoàn thiện mô hình tổ chức và hoạt động của TAND, tương xứng với chức năng, nhiệm vụ “Tòa án là cơ quan xét xử của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền tư pháp””, *Tạp chí Tòa án nhân dân*, số 7/2014, tr 11.

nhấn mạnh nên thừa nhận án lệ ở mức độ đủ để bù đắp sự xơ cứng, thiếu tính cụ thể của văn bản quy phạm pháp luật, đủ để Tòa án có thể có đủ thẩm quyền bảo vệ lợi ích của công dân tốt hơn trước các quy phạm đa nghĩa, không rõ nghĩa của văn bản quy phạm pháp luật. Do đó, khi trao cho Tòa án quyền được giải thích luật cũng phải đề ra những yêu cầu cụ thể như: chỉ áp dụng việc giải thích cho những vấn đề mà luật không rõ ràng, khó hiểu hoặc do nhiều cách hiểu khác nhau; giải thích pháp luật là để áp dụng cho những trường hợp cụ thể trong thực tiễn giải quyết tranh chấp tại Tòa án; giải thích pháp luật phải trên phương diện công bằng, bình đẳng bảo đảm cho công lý được bảo vệ.

Thứ hai, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về giải quyết quyết tranh chấp hợp đồng thương mại.

Một trong những giải pháp nâng cao công tác xét xử, đảm bảo an ninh trật tự xã hội đó là chú trọng và tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật trong cán bộ, công chức và nhân dân bằng nhiều hình thức khác nhau như: tăng cường tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng bằng nhiều hình thức phong phú, đa dạng; cung cấp những văn bản quy phạm pháp luật mới ban hành cho tất cả cán bộ trong ngành, giới thiệu văn bản pháp luật chuyên ngành và văn bản pháp luật có liên quan; phát hành các tạp chí tìm hiểu, hỏi đáp pháp luật miễn phí cho người dân khi đến Tòa án; tuyên truyền phổ biến pháp luật thông qua chi đoàn thanh niên, đội ngũ cán bộ cũng đã góp phần chuyển tải một số quy định của pháp luật đến với người dân một cách nhanh nhất. Đặc biệt là cần có sự kết hợp tuyên truyền pháp luật gắn liền với sinh hoạt văn hóa văn nghệ quần chúng sẽ đem lại hiệu quả thiết thực, thu hút được nhiều đối tượng tham gia...

Trong tình hình hiện nay, số lượng án các loại trong đó có án kinh tế, thương mại có chiều hướng gia tăng. Để Tòa án các cấp giải quyết, xét xử nhanh và đúng quy định của pháp luật thì cần thực hiện tốt các giải pháp trên nhằm hạn chế những vướng mắc trong quá trình giải quyết án kinh tế, thương mại, góp phần nâng cao hơn nữa công tác giải quyết, xét xử án kinh tế, thương mại của ngành Tòa án nhân dân.

Để khắc phục những khó khăn trên, TAND hai cấp của Tỉnh Bình Thuận cần

thực hiện tốt các giải pháp trọng tâm của TAND tối cao đề ra như: (1) tăng cường công tác bảo đảm áp dụng thống nhất pháp luật; (2) nâng cao chất lượng bản án, quyết định của Tòa án; (3) công khai các bản án, quyết định của Tòa án trên cổng thông tin điện tử Tòa án nhân dân; (4) tổ chức các phiên tòa rút kinh nghiệm; (5) tăng cường công tác hòa giải và đối thoại; (6) phối hợp chặt chẽ với các cơ quan tiến hành tố tụng và các cơ quan có liên quan trong quá trình giải quyết các loại án.

Thứ ba, tăng cường công tác đào tạo cán bộ giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại tại Tòa án.

Trong quá trình giải quyết vụ án quyết tranh chấp hợp đồng thương mại tại Tòa án nhân dân Tỉnh Bình Thuận vẫn còn một số bất cập như Thẩm phán cũng vẫn còn một số tồn tại như chưa nghiên cứu kỹ hồ sơ nên không thể đánh giá được một cách chính xác, khách quan vụ tranh chấp, kiến thức pháp luật chưa vững, áp dụng luật chưa chính xác, chủ yếu chỉ dùng đến các văn bản Luật mà không xem đến các văn bản dưới Luật dẫn đến đường lối xử lý chưa đúng đắn. Cũng đã có vụ án, Thẩm phán xác định sai tư cách của người tham gia tố tụng. ngoài ra còn có hiện tượng xem xét vượt quá yêu cầu khởi kiện của các đương sự, xác định lỗi và chế tài phạt vi phạm hợp đồng không đúng quy định. Với số lượng vụ án về việc giải quyết tranh chấp thương mại ngày càng tăng và tính chất vụ án ngày càng phức tạp như hiện nay, ngoài việc mỗi cán bộ cần phải tự học, trao đổi kiến thức thì việc đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cán bộ giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại là việc hết sức cấp bách và cần thiết. bên cạnh đó cần phải tổ chức nhiều hội nghị, kể cả hội nghị trực tuyến, cũng như mở rộng đối tượng tập huấn. Tổ chức hội thảo chuyên đề pháp luật hàng quý, hàng năm để thông qua đó trao đổi, rút kinh nghiệm qua thực tiễn hoạt động xét xử của bản thân, từ đó đưa ra những giải pháp, kiến nghị sửa đổi bổ sung về pháp luật sao cho phù hợp và có hiệu quả nhất cho hoạt động xét xử.

Thứ tư, nâng cao chất lượng giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại của Tòa án, trong đó chú trọng đến việc nâng cao năng lực, kỹ năng và trình độ của thẩm phán.

Thẩm phán là chức danh tư pháp quan trọng không thể thiếu trong tổ chức Tòa

án. Thẩm phán giữ vị trí quan trọng trong việc xét xử, vì thế số lượng, chất lượng của đội ngũ Thẩm phán là yếu tố quyết định đến hiệu quả quá trình giải quyết các vụ án tranh chấp thương mại. Pháp luật cần quy định cụ thể hơn nữa về tính chuyên nghiệp của thẩm phán trên tất cả các lĩnh vực như: cơ chế bảo đảm, năng lực chuyên môn, đạo đức, nghiệp vụ xét xử... để xây dựng đội ngũ Thẩm phán chuyên nghiệp.

Đảm bảo tính chuyên nghiệp trong hoạt động xét xử của Thẩm phán về lĩnh vực giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại là yếu tố quan trọng mang tính tiên quyết để nâng cao hiệu quả trong hoạt động xét xử. Địa vị và chất lượng xét xử của Thẩm phán chỉ được nâng cao khi đảm bảo nguyên tắc xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật. Việc xét xử của tòa án phải dựa trên cơ sở của pháp luật mới đảm bảo được tính vô tư, khách quan và không bị phụ thuộc vào bất kỳ ý chí chủ quan nào. Số lượng và chất lượng thẩm phán là yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến hiệu quả xét xử cũng như địa vị của Thẩm phán. Đối với Thẩm phán tòa chuyên trách, phải có năng lực trình độ chuyên môn kinh nghiệm, trải qua quá trình công tác xét xử trong việc giải quyết các vụ án kinh doanh thương mại, cần phải được tập huấn bồi dưỡng thường xuyên, đặc biệt là các vấn đề liên quan đến giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại. Đây chính là giải pháp quan trọng để nâng cao chất lượng Thẩm phán trong việc giải quyết các tranh chấp thương mại. Trình độ, chuyên môn nghiệp vụ và đạo đức nghề nghiệp là điều mà các cán bộ Tòa án luôn luôn phải phấn đấu và không ngừng hoàn thiện bản thân. Vì vậy công tác đào tạo cán bộ của Tòa án nhân dân Tỉnh Bình Thuận cần phải được chú trọng nhiều hơn nữa, đặc biệt là kỹ năng giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại⁽⁴²⁾.

⁽⁴²⁾ Trương Hòa Bình, “Tiếp tục hoàn thiện mô hình tổ chức và hoạt động của TAND, tương xứng với chức năng, nhiệm vụ “Tòa án là cơ quan xét xử của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền tư pháp””, *Tạp chí Tòa án nhân dân*, số 7/2014, tr 15.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Trong chương này, trên cơ sở những vấn đề lý luận và pháp lý về giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại đã nêu trong chương 1, cùng với thực tiễn giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại đã nêu tại chương 2, đề án tập trung làm rõ các nội dung:

Một là, trên cơ sở Nghị quyết của Đảng về Chiến lược cải cách tư pháp để phân tích làm rõ thêm các quan điểm xuyên suốt của Đảng, Nhà nước ta về hoàn thiện mục tiêu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa nói chung, quan điểm về hoàn thiện pháp luật thương mại, pháp luật giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại nhằm tiếp tục phát huy vai trò trung tâm của Tòa án nhân dân các cấp trong giải quyết các tranh chấp hợp đồng thương mại, đảm bảo phù hợp với sự tiến và yêu cầu hoàn thiện thể chế và phát triển kinh tế - xã hội trong nước, hội nhập kinh tế quốc tế.

Hai là, qua thực tiễn những bất cập của một số văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại nói chung, giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại bằng phương thức Tòa án nói riêng để đề xuất một số giải pháp mang tính chất khuyến nghị nhằm góp phần hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật, nâng cao chất lượng, hiệu quả việc áp dụng pháp luật trong giải quyết tranh chấp, nhất là giải pháp nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ tư pháp đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Các giải pháp được đề xuất mang tính khái quát, cơ bản, không đi sâu vào chi tiết nhằm đảm bảo tính phù hợp với định hướng chung về hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và đổi mới mô hình tổ chức Tòa án các cấp trong thời gian tới.

PHẦN III: KẾT LUẬN

Hiện nay, nền kinh tế của đất nước đang trên đà phát triển mạnh mẽ, dẫn đến các mối quan hệ kinh doanh thương mại ngày càng phức tạp và đa dạng hơn. Sự phát triển của các thành phần kinh tế và sự gia tăng số lượng doanh nghiệp đã và đang tạo ra một môi trường đầu tư kinh doanh hấp dẫn nhưng cũng phức tạp và cạnh tranh gay gắt. Do đó, các tranh chấp hợp đồng thương mại cũng ngày càng gia tăng về số lượng và tính phức tạp, đòi hỏi phải tiếp tục phát huy vai trò của các phương thức giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể trong các mối quan hệ kinh tế này.

Các phương pháp giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại được quy định trong Luật thương mại, Bộ luật dân sự, Bộ luật Tố tụng dân sự và các luật chuyên ngành nhằm đáp ứng yêu cầu cấp bách của thực tiễn nền tư pháp Việt Nam trong bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các chủ thể trong kinh doanh thương mại trong quá trình giải quyết vụ án hoặc việc thi hành án liên quan tranh chấp, cũng như đảm bảo sự thống nhất, nhất quán về thể chế, chính sách pháp luật trong việc duy trì trật tự quản lý kinh tế, tăng cường ổn định, minh bạch, lành mạnh, hấp dẫn của thị trường kinh doanh trong nước, phục vụ hiệu quả nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng và hội nhập kinh tế quốc tế. Trong đó, cần tiếp tục phát huy vai trò, vị trí hết sức quan trọng của Tòa án trong giải quyết các tranh chấp hợp đồng thương mại, giúp tiết kiệm thời gian, công sức và tiền bạc của nhà nước cũng như các doanh nghiệp và góp phần nâng cao nhận thức pháp luật trong xã hội, phát huy hiệu quả của công tác pháp lý.

Thông qua việc nghiên cứu về thực trạng pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại nói chung, thực tiễn giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại tại Tòa án nhân dân cấp sơ thẩm nói riêng và một số vướng mắc khi thực tế áp dụng pháp luật, đề án hướng tới đề xuất một số giải pháp mang tính khuyến nghị nhằm tiếp tục hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật trong lĩnh vực này. Vấn đề này cũng có ý nghĩa quan trọng trong thực hiện nhiệm vụ hoàn thiện hệ thống

pháp luật nhằm từng bước hội nhập với hệ thống pháp luật quốc tế trong bối cảnh nước ta đang tích cực hội nhập. Bên cạnh đó, cũng cần tập trung thực hiện số giải pháp nhằm góp phần một phần nâng cao hiệu quả giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại tại Tòa án cấp sơ thẩm trong thời gian sắp đến.

Có thể nhận thấy, việc nghiên cứu, phân tích, tìm hiểu rõ về lý thuyết và dẫn chứng bằng thực tiễn giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại tại Tòa án sẽ giúp hiểu sâu sắc hơn về phương thức giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại, từng bước hoàn thiện pháp luật, nâng cao chất lượng công tác giải quyết tranh chấp tại Tòa án, hướng tới mục tiêu xây dựng Tòa án nhân dân là cơ quan xét xử của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền tư pháp. Mặt khác, giúp các chủ thể kinh doanh thương mại hiểu rõ, có cách tiếp cận sâu rộng hơn về kiến thức pháp luật lẫn thực tiễn giải quyết, làm nền tảng cho việc lựa chọn đúng phương thức giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại nếu phát sinh trong thực tiễn kinh doanh thương mại. Do đó, việc nghiên cứu giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại trong thực tiễn xét xử cấp sơ thẩm tại Tòa án là rất cần thiết và phù hợp với thực tế.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ luật dân sự năm 2015
2. Bộ luật tố tụng dân sự 2015
3. Luật thương mại năm 2005
4. Luật các tổ chức tín dụng 2024
5. Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án 2020
6. Án lệ số 09/2016/AL về vụ án “Kinh doanh, thương mại tranh chấp về Hợp đồng mua bán hàng hóa”.
7. Án lệ số 12/2017/AL về vụ án “Kinh doanh, thương mại tranh chấp về Hợp đồng mua bán hàng hóa”.
8. Bản án số 01/2021/KDTM-PT ngày 29/3/2021 về việc “Tranh chấp về đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng thuê tài sản”, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.
9. Bản án số 02/2021/KDTM-PT ngày 26/4/2021 về việc “Tranh chấp nghĩa vụ trả tiền”, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.
10. Bản án số 03/2021/KDTM-PT ngày 24/11/2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá”, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.
11. Bản án số 03/2023/KDTM-PT ngày 11/7/2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.
12. Bản án số 04/2023/KDTM-PT ngày 15/8/2023 về việc “Tranh chấp về yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán”, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.
13. Bản án số 02/2024/KDTM-PT ngày 12/3/2024 về việc “Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán”, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.
14. Bản án số 05/2024/KDTM-PT ngày 11/4/2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng hợp tác”, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.
15. Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm
16. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII Đảng Cộng sản Việt Nam.

17. Thông tư liên tịch 02/2016/TTLT-VKSNDTC-TANDTC ngày 31/8/2016 quy định việc phối hợp thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Viện kiểm sát, Tòa án trong kiểm sát việc giải quyết vụ việc dân sự; tham gia phiên tòa, phiên họp của Tòa án; chuyển hồ sơ, tài liệu, chứng cứ, gửi văn bản tố tụng; kiểm sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo và thực hiện các quyền yêu cầu, kiến nghị, kháng nghị của Viện kiểm sát trong tố tụng dân sự.

18. Luận văn thạc sĩ “Pháp luật về hợp đồng thương mại và giải quyết tranh chấp bằng phương thức ngoài Tòa án tại Việt Nam - Thực tiễn thi hành tại TP. Hà Nội”, Trần Thị Thu Trang.

19. Luận văn thạc sĩ “Pháp luật về hòa giải trong giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại theo luật hòa giải, đối thoại tại tòa án”, Trần Tuyết Trinh.

20. Luận án tiến sĩ “Giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại có yếu tố nước ngoài tại Tòa án Việt Nam”, Phan Hoài Nam.

21. Trương Hòa Bình, 2014. Tiếp tục hoàn thiện mô hình tổ chức và hoạt động của TAND, tương xứng với chức năng, nhiệm vụ “Tòa án là cơ quan xét xử của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền tư pháp”, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 7.

22. Trường Đại học Luật Tp Hồ Chí Minh, 2016, “*Bình luận những điểm mới trong Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015*”, Tp Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Hồng Đức - Hội Luật gia Việt Nam.

23. Phan Hoài Nam, 2019. Giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại tại Tòa án - Thẩm quyền và pháp luật áp dụng. Tp. Hồ Chí Minh: Nhà xuất bản Đại học Quốc gia.

24. Hoàng Thanh Giang, 2023. *Hoàn thiện quy định pháp luật về thẩm quyền giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại của tòa án đáp ứng yêu cầu hiện nay*. Tạp chí công thương, [trực tuyến], tại: <https://tapchicongthuong.vn/bai-viet/hoan-thien-quy-dinh-phap-luat-ve-tham-quyen-giai-quyet-tranh-chap-kinh-doanh-thuong-mai-cua-toa-an-dap-ung-yeu-cau-hien-nay-105032.htm>. [truy cập ngày 22/12/2023].

25. <http://toaan.gov.vn>